

PHỤ LỤC 02A
THUYẾT MINH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC Y TẾ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC ĐỒNG HẢI PHÒNG
(Kèm theo Tờ trình số .../TTtr-SYT ngày .../.../2025 của Sở Y tế Hải Phòng)

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
I. BỆNH VIỆN KIẾN AN										Bệnh viện đa khoa hạng I (700 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	4		3	5500 - 6000ca/ tháng	1	4	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
c)	Máy X quang C Arm	Máy	+ Tối đa 01 máy/4 phòng mổ. + Cơ sở có triển khai kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP) hoặc can thiệp được bổ sung tối đa 01 máy/đơn vị.	2		1		2	3	+ Hiện tại bệnh viện có 01 máy + Tòa nhà 7 tầng đã đưa vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô khám, chữa bệnh + Theo thông tư 08 đề siêu âm 1000 ca/ tháng và 01 phòng chụp DSA thì định mức là 04 máy; + Định mức Bệnh viện đề xuất là: 03 máy
2	Hệ thống CT - Scanner									
a)	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1	1200 ca chụp/ tháng	1	2	+ Hiện tại Bệnh viện có 01 máy +Tòa nhà 7 tầng đi vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô khám, chữa bệnh + Theo thông tư 08 đề chụp 1200ca/ tháng thì định mức cần 02 máy + Định mức Bệnh viện đề xuất: 02 hệ thống
b)	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	1			400 ca chụp/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	1			600 ca chụp/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	+Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 40 ca chụp/tháng/cơ sở; Không đầu tư. Nhu cầu sử dụng trung bình 40 - 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1			200 ca chụp/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
5	Siêu âm									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.	2		1	1000 ca chụp/ tháng	3	4	+ Hiện tại bệnh viện có 01 máy + Dự kiến 30/4/2024 tòa nhà 7 tầng đi vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô khám, chữa bệnh + Theo thông tư 08 về siêu âm 1000 ca/ tháng và 01 phòng chụp DSA thì định mức là 04 máy; + Định mức Bệnh viện đề xuất là: 04 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	13		7	8000 ca/ tháng	11	18	+ Hiện tại Bệnh viện có 07 máy + Tòa nhà 7 tầng đã đưa vào hoạt động quy mô khám chữa bệnh tăng. + Theo tiêu chuẩn Thông tư 08 về siêu âm dự kiến cho 8000 ca/ tháng cần 10 máy; siêu âm cho bệnh nhân các khoa can thiệp như Ung Bướu, Sản Khoa, Phụ Khoa, Tiết Niệu, Tiêu Hóa ..và đơn vị hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật định mức cần 8 máy siêu âm tổng cộng là 18 máy + Định mức Bệnh viện đề xuất: 18 máy
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	5		3	Trung bình 2000 test/ ngày.	2	5	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ.	3		1	250 test/ ngày	2	3	Giữ nguyên định mức
8	Máy thận nhân tạo	Máy	+ Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy	60		60	160 ca/ ngày	15	75	Đề xuất định mức: 75 máy
9	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	35		51		9	60	Đề xuất định mức: 60 máy
10	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	9		5		7	12	Đề xuất định mức: 12 máy
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	101		108		52	160	Đề xuất định mức: 160 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	101		58		102	160	+ Hiện tại Bệnh viện có 58 máy. + Tòa nhà 7 tầng đã đưa vào hoạt động, bệnh viện mở rộng số giường trên là 100 giường hồi tỉnh, hồi sức, cấp cứu; 14 bàn mổ và nhu cầu chăm sóc bệnh nhân nặng tại 22 khoa lâm sàng cần dự kiến 200 máy. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 160 cái
13	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	101		6		95	101	Giữ nguyên định mức
14	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	9		8		7	15	+ Bệnh viện hiện có có 08 cái. + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện có 14 phòng mổ thì định mức cần 16 cái. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 15 cái
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	8				8	8	Giữ nguyên định mức
15	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	12		2		10	12	Giữ nguyên định mức
16	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	+ 01 máy/phòng mổ tim hở.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.	6		5		5	10	+ Bệnh viện hiện có 05 hệ thống. + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện có 14 phòng mổ, dự kiến cần 10 hệ thống. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 10 hệ thống
18	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	9		7		7	14	+ Bệnh viện hiện có 07 bộ. + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện có 14 phòng mổ thì định mức cần 14 bộ. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 14 bộ
19	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	10		4		16	20	+Bệnh viện hiện có 04 bộ + Tòa nhà 7 tầng đã đưa vào hoạt động bệnh viện có 20 phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu thì định mức cần 20 bộ. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 20 bộ
20	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	10		7		7	14	+Bệnh viện hiện có 07 cái + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện có 14 phòng mổ thì định mức cần 14 cái. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 14 cái.
21	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	12		10		6	16	+Bệnh viện hiện có 10 máy. +Tòa nhà 7 tầng đã đưa vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô chữa bệnh dự kiến 900 giường điều trị và 1500 bệnh nhân khám ngoại trú thì định mức cần 16 máy. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 16 máy.
22	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
23	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	4		4	1500 ca/ tháng	2	6	+ Bệnh viện hiện có 03 hệ thống + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô khám chữa bệnh khi đầu tư máy mới dự kiến bệnh nhân 1500 ca/ tháng thì định mức cần 08 hệ thống. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 06 hệ thống.

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2				2	2	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1	250 ca/tháng	1	2	+ Bệnh viện hiện có 01 hệ thống + Tòa nhà 7 tầng đã đi vào hoạt động bệnh viện mở rộng quy mô khám chữa bệnh khi đầu tư máy mới dự kiến bệnh nhân 250 ca/ tháng thì định mức cần 02 hệ thống. + Định mức Bệnh viện đề xuất: 02 hệ thống.
24	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
25	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	15		9		6	15	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Hệ thống chụp cộng hưởng từ < 1.5 Tesla	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy chụp X quang răng toàn cảnh	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy chụp X quang vú	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy chụp OCT	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Hệ thống xử lý ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống		2		2		1	3	Hiện tại Bệnh viện có 02 hệ thống, cần bổ sung 01 hệ thống để đảm bảo khám tăng quy mô khám bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 03 hệ thống.
6	Máy siêu âm mắt	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy siêu âm nội soi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Tấm che chắn chì di động	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
9	Áo chì, yếm chì	Bộ		14		10		4	14	Giữ nguyên định mức
Thiết bị xét nghiệm										Giữ nguyên định mức
10	Máy cắt tiêu bản	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
11	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
12	Hệ thống xét nghiệm Elisa	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy				2		1	3	Hiện tại có 02 máy, cần bổ sung 01 máy để đảm bảo tăng quy mô khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 03 máy.
14	Hệ thống chuyển mẫu xét nghiệm	Hệ thống						1	1	Hiện tại Bệnh viện có chưa có hệ thống, cần bổ sung 01 hệ thống để đảm bảo khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 01 hệ thống.
15	Máy cấy máu tự động	Máy						2	2	Hiện tại Bệnh viện có chưa có máy, cần bổ sung 02 máy để đảm bảo khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy.
16	Máy ly tâm (các loại)	Máy		8		12		3	15	Hiện tại Bệnh viện có 12 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo tăng quy mô xét nghiệm. Bệnh viện đề xuất định mức 15 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
17	Máy cắt bệnh phẩm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy chuyển bệnh phẩm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Máy đúc bệnh phẩm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Máy đếm tế bào tủy	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
21	Máy điện di (các loại)	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
22	Máy soi căn nước tiểu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
23	Máy xét nghiệm đông máu	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
24	Máy xét nghiệm khí máu	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
25	Máy cắt tiêu bản lạnh	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
26	Máy định nhóm máu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
27	Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ	Máy		1		1			1	Giữ nguyên định mức
28	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Hệ thống		2		4		0	4	Hiện tại Bệnh viện có 04 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 04 hệ thống
29	Máy tách chiết	Máy				3	-	0	3	Hiện tại Bệnh viện có 03 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
30	Máy khoan sinh thiết tủy xương	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
31	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
32	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
33	Tủ trữ máu	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
34	Máy xử lý mô	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
36	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Chiếc		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
37	Tủ lạnh âm sâu	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
38	Tủ nuôi cấy vi sinh	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
39	Tủ ẩm	Chiếc		6		4		2	6	Giữ nguyên định mức
40	Tủ chuyển mẫu	Chiếc		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
41	Bể dần tiêu bản	Chiếc		2		2			2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									Giữ nguyên định mức
42	Máy Holter huyết áp	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
43	Máy Holter điện tim	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
44	Máy tạo nhịp tim (các loại)	Máy		7				7	7	Giữ nguyên định mức
45	Huyết áp điện tử để bàn	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
46	Máy đo lưu huyết não	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
47	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
48	Máy điện cơ	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
49	Máy đo độ loãng xương	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
50	Máy rửa dây nội soi	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
51	Máy tán sỏi bằng Laser	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
52	Máy đốt cổ tử cung	Chiếc		5		5			5	Giữ nguyên định mức
53	Máy kích thích cơ sản chậu	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có máy. Đề đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 02 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy.
54	Máy phân tích sỏi	Máy						1	1	Bệnh viện chưa có máy. Đề đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 01 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 01 máy.
55	Bộ khoan phẫu thuật cột sống	Bộ		1		1			1	Giữ nguyên định mức
56	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ		13		6		7	13	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
57	Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp gối	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
58	Bộ phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
59	Bộ dụng cụ vi phẫu nội soi tai	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
60	Bộ dụng cụ phẫu thuật (các loại)	Bộ		34		17		17	34	Giữ nguyên định mức
61	Bộ dụng cụ phẫu xương (các loại)	Bộ		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
62	Máy cắt Amidan	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
63	Bộ dụng cụ vi phẫu (các loại)	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
64	Bộ mở khí quản (các loại)	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
65	Bộ dụng cụ phẫu thuật Phaco	Bộ		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
66	Máy phẫu thuật Phaco	Cái		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
67	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
68	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
69	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
70	Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
71	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
72	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
73	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
74	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
75	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	Bộ		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
76	Bộ phẫu thuật nội soi tuyến giáp	bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
77	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		53		1		52	53	Giữ nguyên định mức
78	Bộ khoan, cưa xương đa năng	Bộ		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
79	Bộ nhuộm tiêu bản, mô	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
80	Bộ tay khoan thẳng	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
81	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
82	Bộ dụng cụ phẫu thuật Đâu - Mắt - Cổ	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
83	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		20		2		18	20	Giữ nguyên định mức
84	Hệ thống máy tán sỏi Laser	Hệ thống		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
85	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
86	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
87	Máy đánh giá mức độ mê	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
88	Máy định vị phẫu thuật	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
89	Máy khoan xương	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
90	Máy đo chiều dài ống tủy	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
91	Máy Hummer mô xoang	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
92	Cân điện tử dùng cho bệnh nhân hồi sức	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
93	Máy cắt đốt polyp	Chiếc		6				6	6	Giữ nguyên định mức
94	Máy hút dịch áp lực thấp	Chiếc		14		4		10	14	Giữ nguyên định mức
95	Giường bệnh nhân hồi sức, cấp cứu	Cái		50				50	50	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									Giữ nguyên định mức
96	Máy chiếu thử thị lực điện tử	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
97	Kính hiển vi (các loại)	Cái		7		3		4	7	Giữ nguyên định mức
98	Kính voll	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
99	Máy sinh hiển vi (các loại)	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
100	Đèn soi đáy mắt	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
101	Máy chụp ảnh đáy mắt	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
102	Máy đo khúc xạ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
103	Máy đo độ lác	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
104	Máy đo thính lực	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
105	Máy đo nhãn áp	Chiếc		1		1		1	2	Hiện tại Bệnh viện có 01 máy, cần bổ sung 01 máy để đảm bảo tăng quy mô khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 02 chiếc
106	Máy đo độ cong giác mạc	Máy		1		1		1	2	Hiện tại Bệnh viện có 01 máy, cần bổ sung 01 máy để đảm bảo tăng quy mô khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy
107	Máy LASER CO2	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
108	Máy LASER Lithium	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
109	Máy Laser điều trị	Máy						4	4	Bệnh viện chưa có máy. Để đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 02 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy.
110	Máy Laser YAG	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
111	Máy Laser nội mạch	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
112	Bộ tập phục hồi chức năng	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
113	Máy kéo giãn cột sống	Cái		2		1		2	3	Hiện tại có 01 cái, cần bổ sung 02 cái để đảm bảo tăng quy mô chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 03 cái
114	Máy sóng xung kích	Máy						2	2	Hiện tại bệnh viện chưa có máy, cần bổ sung 02 máy để đảm bảo khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy
115	Máy điện phân	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
116	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
117	Máy sắc thuốc	Chiếc		15		10		5	15	Giữ nguyên định mức
118	Ghế nha khoa	Chiếc		6		4		2	6	Giữ nguyên định mức
119	Máy lấy cao răng siêu âm	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
120	Máy chẩn đoán xơ vữa động mạch không xâm lấn	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
121	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
122	Máy thận nhân tạo HDF Online	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
123	Máy lọc máu liên tục	Chiếc		1		2		2	4	+ Hiện có 02 căn bổ sung thêm 02 chiếc để phục vụ người bệnh Đề xuất định mức 04 chiếc
124	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
125	Hệ thống khí Oxy trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
126	Máy cắt khối u bằng sóng cao tần	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
127	Máy cắt u bằng vi sóng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
128	Máy đốt thoát vị đĩa đệm bằng sóng cao tần	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
129	Máy đo áp lực nội sọ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
130	Máy đo cung lượng tim PICCO	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
131	Máy hạ thân nhiệt chỉ huy	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
132	Máy pha dịch lọc thận	Máy						2	2	Hiện tại bệnh viện chưa có, cần bổ sung 02 cái. Bệnh viện đề xuất định mức 02 máy
133	Máy oxy dòng cao HFNC	Máy				12		0	12	Hiện tại có 12 máy. Bệnh viện đề xuất định mức 12 máy
134	Máy lọc máu hấp phụ	Máy						1	1	Hiện tại Bệnh viện có chưa có máy, cần bổ sung 01 máy để đảm bảo chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 01 máy.

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
135	Máy vỗ rung	Máy						3	3	Bệnh viện chưa có máy. Để đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 03 máy.
136	Máy theo dõi huyết động	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có máy. Để đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 02 máy.
137	Máy kích thích từ trường xuyên sọ	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có máy. Để đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của bệnh viện cần 02 máy.
138	Máy khử khuẩn không khí	Chiếc		10				10	10	Giữ nguyên định mức
139	Máy hấp tiệt trùng	Máy		13		7		6	13	Giữ nguyên định mức
140	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
141	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
142	Cầu thang tập phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
143	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
144	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
145	Máy cắt nước 1 lần	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
146	Máy đo nhĩ lượng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
147	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Chiếc		30				30	30	Giữ nguyên định mức
148	Máy đo thị trường	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
149	Máy Plasma lạnh	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
150	Máy in phim	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
151	Máy phun hóa chất khử trùng	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
152	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
153	Tủ sấy (các loại)	Chiếc		20		1		19	20	Giữ nguyên định mức
154	Máy thủy trị liệu	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
155	Máy điện xung	Máy				2		8	10	Đề xuất định mức: 10 máy
156	Máy xoa bóp bằng áp lực hơi	Máy				2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
157	Máy siêu âm điều trị	Máy				2		4	6	Đề xuất định mức: 06 máy
158	Lồng tập đa năng	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
159	Máy điện châm	Máy						10	10	Đề xuất định mức: 10 máy
160	Máy nghe tim thai	Cái				3		3	6	Đề xuất định mức: 03 cái
161	Máy soi buồng tử cung	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
162	Máy xay mô	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
163	Máy cắt bột	Máy				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
164	Máy Garo hơi	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
165	Máy từ trường điều trị	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
166	Máy bảo da	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
167	Máy cắt hoại tử bong	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
168	Máy điều trị nội nha	Chiếc		4				4	4	Giữ nguyên định mức
169	Buồng điều trị oxy cao áp	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
170	Máy điều trị suy tĩnh mạch bằng sóng cao tần	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
171	Máy soi vền	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
172	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
173	Mô hình đặt nội khí quản	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
174	Mô hình đặt sonde tiểu nữ	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
175	Mô hình đặt sonde tiểu nam	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
176	Hệ thống thăm dò điện sinh lý và điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng RF	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
177	Hệ thống lọc vô trùng áp lực dương	Hệ thống		2		1		9	10	Hiện tại có 01 hệ thống, cần bổ sung 09 hệ thống đảm bảo tiêu chuẩn phòng mổ sạch. Bệnh viện đề xuất định mức 10 hệ thống
178	Hệ thống lọc vô trùng áp lực âm	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
179	Máy siêu âm Doppler xuyên sọ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
180	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		300		303		147	450	Hiện tại có 303 chiếc, bệnh viện đã được phê duyệt tăng giường kế hoạch từ 550 lên 700 giường, dự kiến thực kê 900 giường, cần 450 giường điều trị. Định mức bệnh viện đề xuất: 450 giường.
181	Bàn khám đa năng	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
182	Bàn khám phụ khoa	Cái		7		5		2	7	Giữ nguyên định mức
183	Bàn đẻ	Chiếc		5		5			5	Giữ nguyên định mức
184	Bàn hồi sức sơ sinh	Chiếc		6				6	6	Giữ nguyên định mức
185	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		30		20		10	30	Giữ nguyên định mức
186	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
187	Đèn chiếu vàng da	Máy		10		5		5	10	Giữ nguyên định mức
188	Giường sưởi ấm	Chiếc		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
189	Hệ thống tắm sơ sinh	Hệ thống		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
190	Máy sàng lọc điếc sơ sinh	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
191	Máy sàng lọc mù sơ sinh	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
192	Thiết bị soi ối	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
193	Máy phân tích thành phần cơ thể	Máy						1	1	Hiện tại chưa có máy, cần bổ sung 01 máy để đảm bảo khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 01 máy
194	Máy đun Parafin	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
195	Kính soi góc tiền phòng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
196	Máy hỗ trợ chẩn đoán nội soi tiêu hóa bằng AI	Máy						3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
197	Máy xét nghiệm gene-Expert	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
198	Hệ thống máy chụp X-quang cầm tay kèm phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Hiện Bệnh viện chưa có máy chụp, Bệnh viện đề xuất 01 máy để chụp rà soát sàng lọc cho bệnh nhân trong khi khám sức khỏe tại các đơn vị, khám theo chương trình thiện nguyện có số lượng người khám ít. Định mức Bệnh viện đề xuất 01 Hệ thống
II. BỆNH VIỆN MẮT HẢI PHÒNG										Bệnh viện chuyên khoa hạng II (120 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		1	60 ca chụp/ tháng	2	3	- BV hiện có 01 máy - Năm 2023 với quy mô 70GB, tổng số NB khám đạt 59.000 ca, tổng số ca chụp XQ: 700 ca. Năm 2024 tổng số khám bệnh ước đạt 60.000 ca. Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB, công suất khám chữa bệnh tăng 155% , là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi. - Năm 2025 BV phấn đấu đạt hạng I, dự kiến quý I/2025 mở rộng, cải tạo thêm phân khu C, 3 máy đặt tại 3 phân khu A, B, C - Quý I/2025 BV dự kiến triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Định mức BV đề xuất: 03 máy
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1		2	2000 test/ tháng	2	4	- BV hiện có 02 máy: 1 máy 80 test/giờ, 1 máy 200 test/giờ - Năm 2023 với quy mô 70GB, tổng số NB khám đạt 59.000 ca, tổng số XN: 20.000 ca. Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB, công suất KCB 155%. Là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi. - Năm 2025 BV phấn đấu đạt hạng I, Quý I/2025 BV dự kiến triển khai mở rộng thêm phân khu C - Định mức BV đề xuất: 04 máy (3 máy cho 3 phân khu A, B, C và 01 máy dự phòng)
3	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.					3	3	- Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, công suất KCB tăng 155% . BV dự kiến triển khai một số phẫu thuật cần sử dụng máy thở như: phẫu thuật lác, lể cho Trẻ em, ghép giác mạc, phẫu thuật bán phần sau.... - Định mức BV đề xuất: 03 máy thở
4	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.					3	3	- Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB. BV dự kiến triển khai một số phẫu thuật cần sử dụng máy gây mê như: phẫu thuật lác, lể cho Trẻ em, ghép giác mạc, phẫu thuật bán phần sau. - Định mức BV đề xuất: 03 máy gây mê
5	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.			4		21	25	- BV hiện có 04 máy, 10 bàn mổ, 10 giường theo dõi hậu phẫu, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ; 15 giường theo dõi hậu phẫu. - Năm 2025 BV phấn đấu đạt hạng I, dự kiến triển khai mở rộng thêm khu nhà C. - Định mức BV đề xuất: 25 máy
6	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.					6	6	- BV hiện có 10 bàn mổ, dự kiến thời gian tới tăng lên 15 bàn mổ. - Định mức BV đề xuất: 06 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
7	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.					6	6	- BV hiện có 10 bàn mổ, dự kiến thời gian tới tăng lên 15 bàn mổ. - Định mức BV đề xuất: 06 cái
8	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1		1		5	6	- Hiện tại BV có 01 cái. - Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB - Định mức BV đề xuất: 06 cái
9	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.					2	2	- Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ; 15 giường theo dõi hậu phẫu. - Định mức BV đề xuất: 02 máy
10	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	1				4	4	- Hiện tại BV có 01 bộ - Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ; 15 giường theo dõi hậu phẫu. - Định mức BV đề xuất: 04 bộ
11	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.			1		3	4	- Hiện tại bệnh viện đang có 02 phòng tiểu phẫu tại 2 khu A và B, dự kiến mở rộng thêm khu C vào quý I/2025, bổ sung thêm 02 phòng tiểu phẫu. Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB - Định mức BV đề xuất: 04 bộ
12	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	12		5		10	15	- Hiện tại BV có 10 bàn mổ, dự kiến 3 năm tới triển khai 15 bàn mổ tại 3 phân khu A,B,C - Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB - Định mức BV đề xuất: 15 cái
13	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2		1		5	6	- BV hiện tại có 01 máy - Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C . - 6 tháng đầu năm 2024 khám ngoại trú 60.000 lượt - Định mức BV đề xuất: 06 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Bộ thử kính	Bộ		4		1		7	8	- Hiện tại có 02 bộ, Dự kiến quý I/2025 mở rộng phân khu C, thành trung tâm Mắt Trẻ em, mở rộng phòng kính nên cần bổ sung 06 bộ để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Hiện Bệnh viện đang thường xuyên triển khai khám tật khúc xạ tại các trường học trên địa bàn . - Bệnh viện đề xuất định mức 08 bộ
2	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		4		3		12	15	- Hiện tại có 03 chiếc - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C, cần bổ sung 12 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh (Mỗi bàn khám cần 01 đèn soi đáy mắt). - Bệnh viện đề xuất định mức 15 chiếc

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
3	Kính soi góc tiền phòng	Chiếc		3		2		13	15	- Hiện tại có 02 chiếc - Dự kiến trong 3 năm 2024-2026, BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C, cần bổ sung 13 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Bệnh viện đề xuất định mức 15 chiếc
4	Kính soi đáy mắt (các loại)	Chiếc		3				15	15	Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. Bệnh viện đề xuất định mức 15 chiếc (mỗi bàn khám 01 chiếc)
5	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		8		5		10	15	- Hiện tại có 05 máy, cần bổ sung 10 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 15 máy
6	Máy đo khúc xạ	Máy		2		2		10	12	Hiện tại có 02 máy, cần bổ sung 10 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 12 máy
7	Máy đo nhãn áp	Máy		2		2		13	15	- Hiện tại có 02 máy, cần bổ sung 13 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 15 máy
8	Máy mài lắp kính tự động	Hệ thống		2		1		3	4	- Hiện tại có 01 hệ thống, cần bổ sung 03 hệ thống để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 hệ thống
9	Bảng kiểm tra thị lực (các loại)	Chiếc		5				5	5	
10	Đèn soi bóng đồng tử	Chiếc		2		1		7	8	- Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. Hiện tại có 01 chiếc, cần bổ sung 07 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 08 chiếc
11	Kính hiển vi	Máy		2		1		3	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh - Quý I/2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
12	Máy ly tâm	Máy		2		1		3	4	- Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB, công suất KCB 155%. Là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi. Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
13	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2				3	3	- Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 cái (bổ trí tại 3 khu A,B,C)

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
14	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2		2		2	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
15	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		1		1		3	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
16	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1		1		3	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Quý IV năm 2024 dự kiến BV tăng 120 GB, công suất KCB 155%. Là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
17	Máy siêu âm mắt	Máy		3		4		2	6	Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. Hiện tại có 03 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 06 máy
18	Máy đo độ cong giác mạc	Máy		2		1		2	3	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 02 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. - Bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
19	Máy chụp OCT	Máy		2		1		3	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
20	Máy đo công suất thủy tinh thể	Máy		1				3	3	- Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 cái
21	Máy chụp ảnh đáy mắt	Máy		1				3	3	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 02 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
22	Máy đo thị trường	Máy		1		1		3	4	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 03 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh tại 3 phân khu A, B, C. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
23	Kính hiển vi phẫu thuật	Máy		6		6		9	15	- Hiện tại có 06 máy, cần bổ sung 09 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn mổ - Bệnh viện đề xuất định mức 15 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
24	Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt dịch kính	Bộ		3				6	6	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Trong thời gian tới, BV sẽ triển khai các kỹ thuật chuyên sâu để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 06 bộ
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật lệ mũi	Bộ		2				4	4	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Trong thời gian tới, BV sẽ triển khai các kỹ thuật chuyên sâu. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 bộ
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật PHACO	Bộ		6		3		17	20	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Trong thời gian tới, BV sẽ triển khai các kỹ thuật chuyên sâu. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 20 bộ
27	Bộ dụng cụ phẫu thuật thủy tinh thể ngoài bao	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
28	Bộ dụng cụ phẫu thuật Glaucoma	Bộ		4				6	6	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 06 bộ
29	Bộ dụng cụ phẫu thuật mộng	Bộ		5		4		4	8	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 04 bộ, cần bổ sung 04 bộ để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 08 bộ
30	Bộ dụng cụ phẫu thuật quặm	Bộ		3		2		4	6	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 02 bộ, cần bổ sung 04 bộ để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 06 bộ
31	Máy Laser Yag	Máy		2		1		2	3	- Hiện tại có 01 máy, cần bổ sung 02 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai 15 bàn khám ở 3 khu A,B,C. - Bệnh viện đề xuất định mức 03 máy (mỗi khu 01 máy)
32	Máy Laser Diode	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
33	Máy phẫu thuật PHACO	Máy		3		3		7	10	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 03 máy, cần bổ sung 07 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 10 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
34	Máy phẫu thuật dịch kính	Máy		2				3	3	Quý IV/2024 BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Đề triển khai KT mới, hạn chế chuyển tuyến, đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
35	Camera nội nhãn	Bộ		2		1		3	4	- Hiện tại có 01 bộ, cần bổ sung 03 bộ để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai 15 bàn khám ở 3 khu A,B,C. - Bệnh viện đề xuất định mức: 04 bộ
36	Máy hấp tiệt trùng các loại	Máy		1		1		5	6	- Quý IV/2024 BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Đề đảm bảo công tác khám chữa bệnh, - Bệnh viện đề xuất định mức 06 cho 3 khu (mỗi khu 02 chiếc)
37	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		1		2		8	10	Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 02 cái, cần bổ sung 08 cái để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 10 cái
38	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				3	3	- Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Thời gian tới BV triển khai nhiều phẫu thuật chuyên sâu: ghép giác mạc... Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C. - Đề đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 hệ thống
39	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc		3		2		2	4	- BV dự kiến trong thời gian tới triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 02 chiếc, cần bổ sung 02 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất định mức 04 chiếc
40	Áo chì, yếm chì	Bộ						3	3	- Quý IV/2024 dự kiến BV tăng lên 120 GB, công suất khám chữa bệnh là 155%. Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Đề đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 bộ
41	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái						4	4	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi. Đề đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 cái (03 cái và 01 cái dự phòng)

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
42	Tủ nuôi cấy vi sinh	Chiếc						4	4	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Là BV chuyên khoa KCB trong ngày nên yêu cầu các xét nghiệm CLS phải tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 cái (03 cái và 01 cái dự phòng)
43	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc				1		3	4	- Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 01 chiếc, cần bổ sung 03 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Bệnh viện đề xuất 04 chiếc
44	Máy đánh giá mức độ mê	Máy						4	4	Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
45	Giường hồi sức, cấp cứu	Cái						6	6	Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ, 15 giường hậu phẫu. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 06 cái
46	Máy thử thị lực điện tử	Máy				3		12	15	- Hiện tại có 03 máy - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C, cần bổ sung 12 máy để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. - Bệnh viện đề xuất định mức 15 máy
47	Kính Volk	Chiếc				3		12	15	- Hiện tại có 03 chiếc - Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C, cần bổ sung 12 chiếc để đảm bảo công tác khám chữa bệnh (Mỗi bàn khám có 1 kính). - Bệnh viện đề xuất định mức 15 chiếc
48	Máy đo độ lác	Máy						2	2	Trong thời gian tới, khoa Mắt Trẻ em phát triển thành trung tâm mắt trẻ em, BV triển khai phẫu thuật lác, lè cho trẻ em. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 02 máy PT lác, lè
49	Máy LASER CO2	Máy						2	2	Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C, Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 02 máy
50	Máy LASER Lithium	Máy						2	2	Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 02 máy
51	Bộ tập phục hồi chức năng (Nhược thị)	Bộ				9		6	15	- Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C - Trong thời gian tới, khoa Mắt Trẻ em phát triển thành trung tâm mắt trẻ em, BV triển khai sâu về vấn đề tập nhược thị phục hồi chức năng thị giác cho trẻ em. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 15 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
52	Máy rửa dụng cụ	Máy						4	4	- Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
53	Tủ sấy (các loại)	Cái				1		5	6	Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. Hiện tại có 01 cái, cần bổ sung 05 cái để đảm bảo công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện đề xuất định mức 06 cái
54	Hệ thống máy phẫu thuật tạt khúc xạ	Hệ thống						4	4	Quý II năm 2025 triển khai phẫu thuật cận thị. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 hệ thống
55	Kính hiển vi phẫu thuật nhân khoa (Bán phần trước và bán phần sau)	Chiếc						3	3	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Năm 2024, BV phẫu thuật gần 13 000 ca. Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh triển khai các kỹ thuật mới, bệnh viện đề xuất định mức 03 hệ thống
56	Máy Laser võng mạc	Máy						3	3	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
57	Máy chụp và phân tích bản đồ giác mạc	Máy						3	3	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C. Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
58	Máy đo sinh trắc học	Máy				1		2	3	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C. Năm 2025 BV triển khai 15 bàn khám tại 3 phân khu A, B, C. - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 03 máy
59	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy						4	4	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C. Dự kiến trong thời gian tới bệnh viện triển khai thêm 05 bàn mổ, nâng tổng số bàn mổ lên 15 bàn mổ. - Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, bệnh viện đề xuất định mức 04 máy
60	Máy đếm tế bào nội mô giác mạc	Máy						3	3	- Quý I/2025 BV triển khai mở rộng thêm khu nhà C - Đề xuất định mức: 03 máy (mỗi máy 01 khu)
III. BỆNH VIỆN PHỔI HẢI PHÒNG										Bệnh viện chuyên khoa hạng II (250 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X-quang									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner <64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	4		4		0	4	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 hệ thống
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	8		9		8	17	- Bệnh viện hiện có 14 giường cấp cứu hồi sức tích cực, định mức 14 máy. - Dự phòng 03 máy/14 máy tiêu chuẩn giường hồi sức cấp cứu. Đề xuất định mức: 17 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	25		20		5	25	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	25		8		17	25	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	25		2		23	25	Giữ nguyên định mức
11	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2		5		0	5	Bệnh viện có 280 giường điều trị nội trú, 02 khoa khám bệnh ngoại trú tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 05 máy
13	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Ao chì, yếm chì	Bộ		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
2	Tấm nhận ảnh X quang kỹ thuật số	Cái				1		2	3	+ Hiện có 01 cái cần bổ sung 02 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh Đề xuất định mức: 03 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
3	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Đổi với máy đọc phim X-quang lao phổi tự động phân tích hình ảnh X-quang nhanh chóng, phát hiện dấu hiệu nghi ngờ lao phổi; Giúp giảm tải công việc, nâng cao độ chính xác đặc biệt tại Bệnh viện Phổi Hải Phòng nhân lực hạn chế, máy tự động đọc phim sẽ hỗ trợ sáng lọc hiệu quả. - Đề xuất định mức: 01 máy
4	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy Phục vụ hoạt động của Chương trình phòng chống lao Quốc gia tại cộng đồng
	Thiết bị xét nghiệm									
5	Bề dãn tiêu bản	Cái		1				1	1	
6	Bộ nhuộm tiêu bản, mô	Bộ		1				1	1	
7	Cân kỹ thuật	Cái		1		1		1	2	- Hiện có 01 cái cân bổ sung 01 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 01 cái
8	Kính hiển vi (các loại)	Cái		8		8		1	9	- Hiện có 08 cái cân bổ sung 01 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 09 cái
9	Máy li tâm (các loại)	Máy		5		6		0	6	- Hiện có 06 cái - Đề xuất định mức: 06 máy
10	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2		2		1	3	- Hiện có 02, cân bổ sung 01 máy để phục vụ chuyên môn, người bệnh - Đề xuất định mức: 03 máy
11	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2		2		2	4	- Hiện có 02 cái cân bổ sung 02 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 04 máy
12	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1		1		1	2	- Hiện có 01, bổ sung 01 để phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 02 máy
13	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy xét nghiệm khí máu	Máy		1		1		1	2	- Hiện có 01 máy cân bổ sung 01 máy để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 02 máy
17	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy xử lý mô	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Máy cắt tiêu bản	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		8		8		1	9	- Hiện có 08 cái, cân bổ sung 01 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 09 cái
21	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
22	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		7		6		2	8	- Hiện có 06 cái, cân bổ sung 02 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 07 cái
23	Tủ âm	Cái		8		6		2	8	Giữ nguyên định mức
24	Tủ sấy (các loại)	Cái		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
25	Tủ lạnh âm sâu	Cái		1		1		1	2	- Hiện có 01 cái cân bổ sung thêm 01 cái - Đề xuất định mức: 02 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
26	Hệ thống máy xét nghiệm realtime PCR	Hệ thống				2		1	3	+ Hiện có 02 hệ thống cần bổ sung 01 hệ thống để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh Đề nghị bổ sung định mức thành 03 hệ thống
27	Máy xét nghiệm HbA1c	Máy						1	1	+ Hiện chưa có cần bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh
28	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm tự động	Máy				1			1	+ Hiện đang có 01 máy. Đề xuất bổ sung định mức: 01 máy
29	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động	Máy				1			1	+ Hiện đang có 01 máy. Đề xuất bổ sung định mức: 01 máy
30	Máy cắt bệnh phẩm	Máy						1	1	+ Hiện chưa có cần bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh Đề xuất bổ sung định mức: 01 máy
31	Tủ hút khí độc	Cái						1	1	+ Hiện chưa có cần bổ sung để phục vụ công tác chuyên môn
32	Máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	Máy				2		1	3	+ Hiện có 02 máy cần bổ sung thêm 01 máy để phục vụ người bệnh kịp thời Đề xuất bổ sung định mức: 03 máy
33	Máy Gene Xpert	Máy				5		1	6	+ Hiện có 05 máy cần bổ sung 01 máy để phục vụ người bệnh kịp thời Đề xuất bổ sung định mức: 06 máy
34	Hệ thống xét nghiệm giải trình tự Gene	Hệ thống						1	1	+ Hiện chưa có cần bổ sung để phục vụ công tác chuyên môn Đề nghị bổ sung định mức thành 01 hệ thống
35	Máy sấy lam kính	Máy				1		1	2	- Hiện có 01, bổ sung 01 để phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 02 máy
36	Bàn sấy tiêu bản	Cái						1	1	- Hiện chưa có cần bổ sung 01 cái để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 01 cái
37	Máy nhuộm tiêu bản tự động	Cái						1	1	- Hiện chưa có cần bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 01 cái
38	Máy đúc tiêu bản	Cái						1	1	- Hiện chưa có cần bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 01 cái
Thiết bị thăm dò chức năng										
39	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
40	Máy đo thính lực	Máy				1		1	2	- Hiện có 01 cần bổ sung 01 để phục vụ người bệnh kịp thời - Đề xuất định mức: 02 máy
Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu.										
41	Bàn tiểu phẫu	Cái		7				7	7	Giữ nguyên định mức
42	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		3		4		3	7	- BV hiện có 04 cần bổ sung 03 để phục vụ người bệnh kịp thời - Đề xuất định mức: 07 chiếc
43	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
44	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		11		4		7	11	Giữ nguyên định mức
45	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Cái		30				30	30	Giữ nguyên định mức
46	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		12		3		9	12	Giữ nguyên định mức
47	Máy hút dịch	Máy		8		3		5	8	Giữ nguyên định mức
48	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy		4		3		2	5	Đề xuất bổ sung định mức: 05 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
49	Máy hút dịch áp lực âm	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
50	Giường đa năng	Cái				83			83	- Hiện có 83 cái - Đề xuất định mức: 83 cái
51	Máy lọc máu liên tục	Máy						2	2	- Hiện chưa có căn bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 02 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
52	Hệ thống khí oxy trung tâm	Hệ thống		1		1		1	2	- Hiện có 01 hệ thống căn bổ sung 01 hệ thống - Đề xuất định mức: 02 hệ thống
53	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
54	Bộ tập phục hồi chức năng	Bộ		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
55	Máy vỗ rung lồng ngực	Máy		1		1		3	4	- Hiện có 01 máy căn bổ sung 03 máy để phục vụ người bệnh kịp thời - Đề xuất định mức: 04 máy
56	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
57	Bộ khám ngũ quan	Bộ						2	2	- Hiện chưa có căn bổ sung để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh - Đề xuất định mức: 02 bộ
IV. BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HẢI PHÒNG										Bệnh viện chuyên khoa hạng III (165 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1			500 ca/ tháng/ cơ sở	1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1			20 ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner <64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Để phục vụ nhu cầu điều trị bệnh nhân thực tế Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.					1	1	Để phục vụ nhu cầu điều trị bệnh nhân thực tế Đề xuất định mức: 01 hệ thống

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	2		2	100 Ca/ tháng/ cơ sở	2	4	Đề nghị phê duyệt bổ xung thêm 02 thiết bị để phù hợp với sự tăng trưởng KCB của bệnh viện trong thời gian tới. Đề xuất định mức: 04 máy
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		2	300 Ca/ tháng/ cơ sở	0	2	Giữ nguyên định mức
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ				100 Ca/ tháng/ cơ sở	2	2	Để phục vụ nhu cầu điều trị bệnh nhân thực tế Đề xuất định mức: 02 hệ thống
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhĩ, Ung bướu.	5				5	5	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
11	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.					1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
12	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	4		3	Thường xuyên	2	5	Đề xuất định mức: 05 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Máy X - quang	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy đo độ loãng xương	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Hệ thống xử lý ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
4	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy ly tâm	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy hấp tiệt trùng	Máy		9			Thường xuyên	9	9	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
10	Tủ an toàn sinh học	Cái		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
11	Tủ âm	Chiếc		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		4		2	Thường xuyên	2	4	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
13	Máy đo huyết áp tự động	Chiếc		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy lưu huyết não	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy điện cơ	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy đo niệu động học	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
18	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
20	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		5			20 Ca/ tháng	5	5	Giữ nguyên định mức
21	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		5			20 Ca/ tháng	5	5	Giữ nguyên định mức
22	Bộ khoan, cưa xương đa năng	Bộ		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
23	Cưa cắt bột loại điện	Cái		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
24	Máy hút dịch	Máy		8			30 ca/tháng	8	8	Giữ nguyên định mức
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	bộ		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	bộ		1			20 Ca/ tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
27	Máy điện tim gắng sức	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
28	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc					10 ca/tháng	2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
29	Cưa cắt bột	Chiếc					40 ca/ tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
30	Khoan xương điện	Chiếc					20 Ca/ tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
31	Khoan xương tay	Chiếc					20 Ca/ tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
32	Bộ dụng cụ bóc lột tĩnh mạch	Bộ					10 ca/tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 bộ
33	Máy Holter huyết áp các loại	Máy					10 ca/tháng	2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
34	Máy Holter điện tim các loại	Máy					10 ca/tháng	2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
35	Ghế khám tai mũi họng	Chiếc					10 ca/tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
	Thiết bị chuyên khoa phục hồi chức năng									
36	Buồng điều trị oxy cao áp	Hệ thống		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
37	Máy từ trường xuyên sọ	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
38	Máy tập mạnh cơ đáy chậu	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
39	Bồn thủy trị liệu	Chiếc		5			Thường xuyên	5	5	Giữ nguyên định mức
40	Hệ thống giàn treo điều khiển Robot tập đi	Hệ thống		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
41	Máy điện châm laser	Máy		5			Thường xuyên	5	5	Giữ nguyên định mức
42	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		3		1	Thường xuyên	3	4	Đề xuất định mức: 4 máy
43	Máy từ trường điều trị	Máy		4		2	Thường xuyên	8	10	Đề xuất định mức: 10 máy
44	Máy laser	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
45	Máy siêu âm điều trị	Máy		12		12	Thường xuyên	12	24	Đề xuất định mức: 24 máy
46	Máy xoa bóp áp lực hơi	Máy		5		2	Thường xuyên	7	9	Đề xuất định mức: 09 máy
47	Máy điện xung	Máy		21		6	Thường xuyên	17	23	Đề xuất định mức: 23 máy
48	Máy điện phân	Máy		10		4	Thường xuyên	14	18	Đề xuất định mức: 18 máy
49	Máy Laser nội mạch	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
50	Máy massage (Điện rung)	Máy		10		6	Thường xuyên	16	22	Đề xuất định mức: 22 máy
51	Máy kéo giãn cột sống	Máy		5		3	Thường xuyên	8	11	Đề xuất định mức: 11 máy
52	Máy điện trị liệu	Máy		16		3	Thường xuyên	22	25	Đề xuất định mức: 25 máy
53	Máy tập phục hồi chức năng vận động	Máy		5		1	Thường xuyên	6	7	Đề xuất định mức: 07 máy
54	Xe đạp tập dành cho người khuyết tật	Máy		6		1	Thường xuyên	7	8	Đề xuất định mức: 08 máy
55	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy		3		1	Thường xuyên	4	5	Đề xuất định mức: 05 máy
56	Máy quang trị liệu UVA, UVB	Máy		3		1	Thường xuyên	4	5	Đề xuất định mức: 05 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
57	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Máy		7		2	Thường xuyên	9	11	Đề xuất định mức: 11 máy
58	Tủ sấy Parafin	Cái		2		1	Thường xuyên	3	4	Đề xuất định mức: 04 cái
59	Máy tập thụ động chi dưới	Máy		5			Thường xuyên	5	5	Giữ nguyên định mức
60	Máy tập thụ động chi trên	Máy		5			Thường xuyên	5	5	Giữ nguyên định mức
61	Máy tập nuốt	Máy		1			Thường xuyên	1	1	Giữ nguyên định mức
62	Máy Galvanic kích thích điện	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
63	Máy điều trị bằng dòng giao thoa	Máy		4			Thường xuyên	4	4	Giữ nguyên định mức
64	Hệ thống giàn treo điều khiển Rôbôt tập đi	Hệ thống					Thường xuyên	1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
65	Lực kế tay	Chiếc					Thường xuyên	2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
66	Lực kế chân	Chiếc					Thường xuyên	2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
67	Hệ thống tập phục hồi chức năng	Hệ thống					Thường xuyên	1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
68	Máy nhiệt lạnh trị liệu	Máy					Thường xuyên	1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
69	Máy vi sóng	Máy					Thường xuyên	2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
70	Máy chiếu bằng thị lực	Máy		1			10 ca/tháng	1	1	Giữ nguyên định mức
71	Bồn rửa tay vô trùng	Máy		20			Thường xuyên	20	20	Giữ nguyên định mức
72	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		10			Thường xuyên	10	10	Giữ nguyên định mức
73	Máy sắc thuốc	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
74	Tủ sấy (các loại)	Cái		6			Thường xuyên	6	6	Giữ nguyên định mức
75	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2		1	Thường xuyên	5	6	Đề xuất định mức: 06 cái
76	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2			Thường xuyên	2	2	Giữ nguyên định mức
77	Máy huỷ bơm tiêm 1 lần	Máy				2	Thường xuyên	3	5	Đề xuất định mức: 05 máy
V. BỆNH VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN HẢI PHÒNG										Bệnh viện chuyên khoa hạng I (280 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ					1	1	Bệnh viện cần phát triển thêm một số dịch vụ kỹ thuật mới, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 01 hệ thống
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	5		6			6	Đề xuất định mức: 06 máy
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	20		20		10	30	Bệnh viện dự kiến xây dựng 50 giường hồi sức cấp cứu. Hiện nay, bệnh viện có 20 máy. Đề xuất định mức: 01 hệ thống

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
8	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mô. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	30		5		25	30	Giữ nguyên định mức
9	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	30		12		18	30	Giữ nguyên định mức
10	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
12	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
13	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Áo chì, yếm chì	Bộ		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
2	Máy đo đa ký giấc ngủ	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
3	Máy siêu âm Doppler xuyên sọ	Máy		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
4	Kính hiển vi (các loại)	Cái		10		3		7	10	Giữ nguyên định mức
5	Máy ly tâm	Máy		10		3		7	10	Giữ nguyên định mức
6	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
8	Bể ôn nhiệt (các loại)	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
9	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
10	Máy xét nghiệm huyết học	Hệ thống		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
11	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		5		5		3	8	BV hiện có 05 máy, đề xuất thêm 03 máy Đề xuất định mức: 08 máy
12	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
13	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
14	Máy lưu huyết não	Máy		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện cơ	Máy		6		1		5	6	Giữ nguyên định mức
16	Máy đo khúc xạ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy đo nhĩ lượng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy đo thính lực	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
19	Máy hút dịch	Máy		15		8		7	15	Giữ nguyên định mức
20	Bộ đặt nội khí quản	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức
21	Va ly hồi sức cấp cứu	Bộ		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
22	Bộ dụng cụ tiêu phẫu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
23	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
24	Mô hình đặt nội khí quản	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
26	Máy đo huyết áp tự động để bàn	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
27	Máy sốc điện tâm thần	Máy		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
28	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		5		10		5	15	- Hiện BV có 10 máy, đề xuất thêm 05 máy - Đề xuất định mức: 15 máy
29	Máy tạo Oxy	Máy		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
30	Máy siêu âm điều trị	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
31	Máy sắc ký lỏng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
32	Máy sắc ký khí	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
33	Máy điều trị cơ xương khớp	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
34	Máy điều trị siêu âm kết hợp điện xung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
35	Máy điều trị từ trường siêu dẫn	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
36	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
37	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
38	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
39	Máy sắc thuốc	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
40	Máy trộn dược liệu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
41	Máy nghiền dược liệu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
42	Máy đóng gói thuốc đông y	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
43	Tủ sấy (các loại)	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
44	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
45	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		8		5		3	8	Giữ nguyên định mức
46	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Cái		80		41		39	80	Giữ nguyên định mức
47	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
48	Máy kéo giãn cột sống	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
49	Máy tập đa năng, phục hồi chức năng	Máy		40		17		23	40	Giữ nguyên định mức
50	Máy xoa bóp áp lực hơi	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
51	Ghế nha khoa	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
52	Máy kích thích từ xuyên sọ	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
53	Máy xung điện điều trị	Máy		9				9	9	Giữ nguyên định mức
54	Máy kích thích thần kinh cơ kết hợp siêu âm điều trị	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
55	Máy điện châm đa năng	Máy		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
56	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Cái		120		58		92	150	- BV hiện có 58 cái, đề nghị bổ sung định mức. - Đề xuất định mức: 150 cái
57	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
58	Xe tiêm thông minh	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
59	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
60	Máy đo độ loãng xương	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có và cần được trang bị để đánh giá về tác dụng phụ của an thần kinh tới hệ cơ xương khớp của người bệnh. Đề xuất định mức: 02 máy
61	Máy đo chức năng hô hấp	Máy						3	3	Bệnh viện đã có nhân viên được cấp chứng chỉ đào tạo và cần được trang bị để phát triển dịch thêm vụ kỹ thuật mới phục vụ người bệnh Đề xuất định mức: 03 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
62	Máy thủy trị liệu	Máy						2	2	Bệnh viện tăng cường công tác khám chữa bệnh kết hợp giữa điều trị bằng Tây y và Đông y Đề xuất định mức: 02 máy
63	Máy điện trị liệu	Máy						2	2	Bệnh viện cần phát triển thêm một số dịch vụ kỹ thuật mới, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
64	Máy xông thuốc	Máy						2	2	Bệnh viện tăng cường công tác khám chữa bệnh kết hợp giữa điều trị bằng Tây y và Đông y Đề xuất định mức: 02 máy
65	Máy điện xung	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
66	Máy điều trị giảm áp lực cột sống	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
67	Máy vi sóng trị liệu	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
68	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
69	Máy điện phân	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
70	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	Máy						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 máy
71	Bộ khám ngũ quan	Bộ						2	2	Bệnh viện chưa có cần được trang bị để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân Đề xuất định mức: 02 bộ
72	Cầu thang tập phục hồi chức năng	Chiếc						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện - Đề xuất định mức: 01 chiếc
73	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện - Đề xuất định mức: 01 chiếc
VI. BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG										Bệnh viện chuyên khoa hạng II (220 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề nghị bổ sung định mức: 01 máy
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.					1	1	Đề nghị bổ sung định mức: 01 máy
4	Máy siêu âm tổng quát	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy		3		2		1	4	Đề nghị bổ sung định mức: 04 máy
6	Máy thở	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy gây mê	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
11	Dao mổ điện cao tần	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy phá rung tim	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ treo trần	Bộ		2				1	2	Giữ nguyên định mức
14	Đèn mổ di động	Bộ		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
15	Bàn mổ	Cái		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
16	Máy điện tim	Máy		3		2		3	3	Giữ nguyên định mức
17	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy soi cổ tử cung	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy X - quang tăng sáng truyền hình	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy rửa phim X- quang	Máy		1		1		2	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 máy
3	Hệ thống xử lý hình ảnh kỹ thuật số DR	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
4	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2		1		3	3	Đề nghị bổ sung định mức: 03 máy
6	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2		1		3	3	Đề nghị bổ sung định mức: 03 máy
7	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy ly tâm	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
11	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		4				1	4	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Tủ trữ máu	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Tủ an toàn sinh học	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
14	Máy đo độ loãng xương	Máy		1		1		2	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 máy
15	Máy đo khúc xạ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy đo lưu huyết não	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy điện não	Máy		1		1		2	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 máy
18	Máy điện cơ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
19	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiểu phẫu	Bộ		3		1		3	3	Giữ nguyên định mức
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
22	Máy tạo ô xy	Máy		10		2		10	10	Giữ nguyên định mức
23	Máy cắt trĩ	Máy		1		1		2	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
24	Ghế nha khoa	Chiếc		2		2			2	Giữ nguyên định mức
25	Máy kéo giãn cột sống	Máy		3		3		5	8	Đề nghị bổ sung định mức: 08 máy
26	Máy kích thích liên xương bằng siêu âm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
27	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
28	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
29	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
30	Máy siêu âm điều trị	Máy		11		1		10	11	Giữ nguyên định mức
31	Máy laser điều trị (các loại)	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
32	Máy vật lý trị liệu đa năng	Máy		50		26		24	50	Giữ nguyên định mức
33	Máy từ trường điều trị	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
34	Máy Laser châm	Máy		14		4		10	14	Giữ nguyên định mức
35	Máy Laser điều trị nội mạch	Máy		60		24		36	60	Giữ nguyên định mức
36	Máy điện xung	Máy		30		10		20	30	Giữ nguyên định mức
37	Máy điện phân thuốc	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
38	Máy điều trị bằng lon	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
39	Máy thăm thấu nhiệt	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
40	Máy thủy trị liệu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
41	Máy xông thuốc	Máy		6				12	12	Đề nghị bổ sung định mức: 12 máy
42	Máy đo nhân áp	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
43	Bàn khám phụ khoa	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
44	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
45	Bộ dụng cụ khám răng hàm mặt	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
46	Bộ dụng cụ khám tai mũi họng	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
47	Bồn massage toàn thân	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
48	Bộ dụng cụ tập phục hồi chức năng	Bộ		2		2		2	4	Đề nghị bổ sung định mức: 04 bộ
49	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Cái		4		3		3	6	Đề nghị bổ sung định mức: 06 cái
50	Ghế tập đa năng	Cái		2				6	6	Đề nghị bổ sung định mức: 06 cái
51	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Cái		50				50	50	Giữ nguyên định mức
52	Giường tập đứng cho bệnh nhân	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
53	Hệ thống sắc thuốc bằng hơi	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
54	Máy đóng gói thuốc	Máy		7		2		5	7	Giữ nguyên định mức
55	Máy sắc thuốc đóng gói	Máy		16		6		10	16	Giữ nguyên định mức
56	Máy nghiền dược liệu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
57	Máy rửa dược liệu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
58	Máy sao thuốc	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
59	Máy làm viên hoàn	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
60	Máy tán thuốc	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
61	Máy thái thuốc	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
62	Nồi nấu thuốc	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
63	Máy hấp tiết trùng	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
64	Nồi hấp tiết trùng	Cái				1		1	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 cái
65	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
66	Tủ sấy (các loại)	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
67	Máy sấy dược liệu	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
68	Buồng điều trị oxy cao áp	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
69	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
70	Máy đóng chèn nhúng	Cái						1	1	Đề nghị bổ sung định mức: 01 cái
71	Máy rửa dụng cụ	Máy						1	1	Đề nghị bổ sung định mức: 01 máy
72	Máy nấu parafin	Máy						1	1	Đề nghị bổ sung định mức: 01 máy
73	Máy vi sóng trị liệu	Máy						2	2	Đề nghị bổ sung định mức: 02 máy
VII. BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒN LƯƠNG										Bệnh viện đa khoa hạng III (50 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
4	Máy thở	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy gây mê	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy		6		6		3	9	Đề xuất định mức: 09 máy
7	Bơm tiêm điện	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
8	Máy truyền dịch	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
9	Dao mổ điện cao tần	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy phá rung tim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mổ nội soi.					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
12	Đèn mổ treo trần	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ di động	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
14	Bàn mổ	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện tim	Máy		2		2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
16	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống
17	Máy soi cổ tử cung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Bảng kiểm tra thị lực (các loại)	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
2	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy chụp X-quang thường	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy rửa phim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Hệ thống xử lý ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy in phim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
7	Máy chụp X-quang răng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy siêu âm điều trị	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy sinh hiển vi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
11	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
12	Máy li tâm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
15	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Tủ ấm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
18	Tủ lạnh âm sâu	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Tủ trữ máu	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
21	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
	Thiết bị thăm dò chức năng									
22	Máy điện xung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
23	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
24	Máy nghe tim thai	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật hồi sức cấp cứu									
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản, phụ khoa	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
27	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
28	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
29	Bộ dụng cụ tiểu phẫu các loại	Bộ		6				6	6	Giữ nguyên định mức
30	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
31	Cáng có xe đẩy	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
32	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		6				6	6	Giữ nguyên định mức
33	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
34	Máy đo huyết áp tự động	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
35	Bàn kéo nắn chỉnh hình	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
36	Bàn khám phụ khoa	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
37	Bồn rửa tay vô trùng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
38	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		5		5		5	10	Đề xuất định mức: 10 chiếc
39	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
40	Máy hút dịch	Máy		12				12	12	Giữ nguyên định mức
41	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
42	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
43	Máy rửa dụng cụ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
44	Tủ sấy (các loại)	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
45	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
46	Đèn chiếu vàng da	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
47	Giường sưởi ấm	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
48	Mô hình đặt nội khí quản	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
49	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
50	Thiết bị soi ối	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
51	Ghế nha khoa	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
52	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
53	Bộ dụng cụ khám sản, phụ khoa	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
54	Bộ dụng cụ cắt Amidan	Bộ						1	1	Đề xuất định mức: 01 bộ
55	Đèn đặt nội khí quản	Chiếc						4	4	Đề xuất định mức: 04 chiếc
VIII. BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO										Bệnh viện đa khoa hạng II (250 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Siêu âm									
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở; Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	5		3	3.200 ca/tháng	3	6	Cơ sở 01 có 02 máy thực hiện bình quân 2.500 ca/tháng Cơ sở 2 có 01 máy bình quân 700 ca trên tháng Đề xuất định mức: 06 máy
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị; bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	4		3	2.500 test/ ngày	2	5	Hiện có 03 máy; Cơ sở 01: 02 máy và cơ sở 2: 01 máy, công suất 1100 test/giờ. Đề xuất định mức: 05 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	10		3		7	10	Giữ nguyên định mức
8	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	15		4		11	15	Giữ nguyên định mức
10	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	30		6		24	30	Giữ nguyên định mức
11	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	30		6		24	30	Giữ nguyên định mức
12	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mổ nội soi.	1				2	2	Định mức xin duyệt là 02 hệ thống để phục vụ bệnh nhân tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 02 hệ thống
15	Đèn mổ treo trần	Cái	+ 01 bộ / bàn mổ	4		2		2	4	
16	Đèn mổ di động	Cái	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	5		1		5	6	Định mức xin duyệt là: 06 cái đặt tại 06 phòng tiểu phẫu và khoa HSCC Đề xuất định mức: 06 cái
17	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
18	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	6		3	650 ca/tháng	5	8	Phân Nội trú: 325 giường điều trị nội trú, Ngoại trú: Cao điểm 700 lượt bệnh nhân khám ngoại trú tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 08 máy
19	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	1				2	2	Định mức xin duyệt là 02 cái để phục vụ bệnh nhân tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 02 máy
20	Hệ thống khám nội soi									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1	190 ca/tháng	1	2	Định mức xin duyệt là 02 cái để phục vụ bệnh nhân tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 02 hệ thống
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	3		2	1000 ca/tháng	2	4	Định mức xin duyệt là 04 hệ thống để phục vụ bệnh nhân tại 02 cơ sở Đề xuất định mức: 04 hệ thống
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	2				2	2	Giữ nguyên định mức
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	8		2		6	8	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Bàn đẻ	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
2	Bàn khám phụ khoa	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
3	Bàn tiểu phẫu	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
4	Bảng kiểm tra thị lực (các loại)	Chiếc		3		3		3	3	Đề xuất định mức: 06 chiếc
5	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		4		3		2	5	Đề xuất định mức: 05 chiếc
6	Bộ dụng cụ khám bệnh các chuyên khoa	Bộ		10				10	10	Giữ nguyên định mức
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật các chuyên khoa	Bộ		10		3		7	10	Giữ nguyên định mức
8	Bộ dụng cụ thủ thuật các chuyên khoa	Bộ		10		3		7	10	Giữ nguyên định mức
9	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		3		2		4	6	Định mức xin duyệt là 06 cái để phục vụ phòng mổ ngoại, phòng mổ sản phòng tiểu phẫu tại cơ sở 1 và cơ sở 2 Đề xuất định mức: 06 cái
10	Đèn chiếu vàng da	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
11	Đèn khám phụ khoa	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
12	Đèn tán phổ	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
13	Ghế nha khoa	Chiếc		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
14	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Cái		12				12	12	Giữ nguyên định mức
15	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		20				20	20	Giữ nguyên định mức
16	Hệ thống áp lực dương phòng mổ	Hệ thống		4				4	4	Giữ nguyên định mức
17	Máy kéo dẫn cột sống	Hệ thống		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
18	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1		1	2	Tăng thêm để đủ phục vụ bệnh nhân phòng mổ, khu vực gây mê hồi tỉnh, khoa HSCC và cơ sở điều trị II Đề xuất định mức: 02 hệ thống
19	Kính hiển vi (các loại)	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
20	Máy từ trường điều trị	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
21	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
22	Máy đo độ loãng xương	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
23	Máy đo khúc xạ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
24	Máy đo lưu huyết não	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
25	Máy đo thính lực	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
26	Máy đốt cổ tử cung	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
27	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
28	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		8				8	8	Giữ nguyên định mức
29	Hệ thống tạo áp lực âm	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
30	Máy hút dịch	Máy		5		5		10	15	Tăng thêm để đủ phục vụ bệnh nhân Đề xuất định mức: 15 máy
31	Máy khoan phẫu thuật các loại	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
32	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
33	Máy laser nội mạch	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
34	Máy ly tâm	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
35	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
36	Máy phẫu thuật Phaco	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
37	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
38	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
39	Máy sắc thuốc	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
40	Tủ sấy (các loại)	Cái		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
41	Máy siêu âm điều trị	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
42	Máy tập đa năng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
43	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
44	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
45	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		5		3		3	6	Đề xuất định mức: 06 máy
46	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
47	Máy chụp X-quang răng	Máy		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
48	Máy LASER CO2	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
49	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
50	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
51	Tủ âm	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
52	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
53	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
54	Tủ trữ máu	Cái		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
55	Mô hình đặt nội khí quản	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
56	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
57	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
58	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
59	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy GeneXpert))	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
IX. BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦY NGUYÊN										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1. Hệ thống X - quang										
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	7		5	6.500 ca/ tháng	2	7	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	2				2	2	Giữ nguyên định mức
c)	Máy X quang C Am	Máy	+ Tối đa 01 máy/4 phòng mổ. + Cơ sở có triển khai kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP) hoặc can thiệp được bổ sung tối đa 01 máy/đơn vị.					1	1	Định mức theo TT 08. BV có 04 phòng mổ Đề xuất định mức: 01 máy
2	Hệ thống CT Scanner ≤ 64 lát/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		1	450 ca/ tháng	1	2	Giữ nguyên định mức
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.				> 400 ca/tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 40 ca chụp/tháng/cơ sở; Không đầu tư. + Nhu cầu sử dụng trung bình 40 - 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
5	Máy siêu âm									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.	1		1	400 ca/tháng	1	2	- Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 02 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở; Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	14		6		8	14	Giữ nguyên định mức
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	11		7		8	15	- Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 15 máy
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
8	Máy thận nhân tạo	Máy	+ Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy	30		18		32	50	- Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 50 máy
9	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	23		4		19	23	Giữ nguyên định mức
10	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	44		14		36	50	- Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 50 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mô. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái/ giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/ giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/ giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	65		20		45	65	Giữ nguyên định mức
13	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	60		15		45	60	Giữ nguyên định mức
14	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	7		4		3	7	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
15	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
16	Hệ thống máy phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mổ nội soi.	2		1		3	4	Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 04 hệ thống
17	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
18	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
19	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
20	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	15		8		7	15	Giữ nguyên định mức
21	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
22	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	4		2	750 ca/ tháng	2	4	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2				2	2	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	7		4	1.600 ca/ tháng	3	7	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	2			120 ca/ tháng	2	2	Giữ nguyên định mức
23	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
24	Máy theo dõi sản khoa	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Hệ thống chụp cộng hưởng từ < 1.5 Tesla	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
2	Máy chụp X quang răng toàn cảnh	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy chụp X quang răng đơn chiếc	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
4	Máy chụp phân tích da	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
5	Hệ thống xử lý hình ảnh X - quang kỹ thuật số	Hệ thống		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
6	Máy in phim X - quang	Máy		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
7	Máy rửa phim X - quang	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
8	Máy chụp ảnh đáy mắt	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy siêu âm mắt	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
10	Máy đo khúc xạ, đo độ cong giác mạc tự động	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy đo chiều dài ống tủy răng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
12	Máy đo nhãn áp	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Kính soi góc tiền phòng	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy đo thị trường	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy chụp OCT	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy đo độ loãng xương	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
Thiết bị xét nghiệm										
17	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
18	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
19	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		9		4		5	9	Giữ nguyên định mức
20	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		9		3		6	9	Giữ nguyên định mức
21	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
22	Máy li tâm	Máy		9		4		5	9	Giữ nguyên định mức
23	Tủ trữ máu	Cái		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
24	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
25	Máy xét nghiệm ký sinh trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
26	Máy xét nghiệm khí máu	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
27	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
28	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
29	Máy định nhóm máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
30	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
31	Kính hiển vi (các loại)	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
32	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
33	Máy đo khúc xạ	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
34	Máy đo thính lực	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
35	Máy holter điện tim	Máy		5		3		9	12	Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 12 máy
36	Máy đo lưu huyết não	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
37	Máy nghe tim thai	Máy		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
38	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
39	Đèn soi đáy mắt	Cái		8		1		7	8	Giữ nguyên định mức
40	Bảng kiểm tra thị lực (các loại)	Chiếc		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
41	Đèn soi bóng đồng tử	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
42	Bảng thử màu sắc giác	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
43	Bàn khám phụ khoa	Cái		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
44	Bàn đẻ	Chiếc		7		3		4	7	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
45	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		10		2		22	24	Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 24 máy
46	Máy hút áp lực thấp	Máy		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
47	Máy tạo oxy	Máy		14				14	14	Giữ nguyên định mức
48	Máy hút dịch các loại	Máy		20		18		20	38	Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 38 máy
49	Tủ âm	Cái		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
50	Máy cắt đốt	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
51	Máy phẫu thuật phaco	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
52	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
53	Máy cắt dịch kính	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
54	Bồn rửa tay vô trùng	Bộ		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
55	Máy khoan phẫu thuật	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
56	Máy tán sỏi nội soi ngược dòng laser	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
57	Máy phẫu thuật cắt đốt Plasma	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
58	Máy cắt Amidan	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
59	Bộ dụng cụ mờ khí quản	Bộ		7		1		6	7	Giữ nguyên định mức
60	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Bộ		16		6		10	16	Giữ nguyên định mức
61	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
62	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiêu hóa	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
63	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiết niệu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
64	Bộ dụng cụ phẫu thuật phaco	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
65	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức
66	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
67	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
68	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
69	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
70	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
71	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
72	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		6				6	6	Giữ nguyên định mức
73	Máy định vị chóp	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
74	Máy cắt hàn ống tùy răng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
75	Bộ khoan, cưa xương đa năng	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phục hồi chức năng									
76	Máy đập chân phục hồi chức năng	Máy		25		5		20	25	Giữ nguyên định mức
77	Máy kéo dẫn cột sống	Máy		7		4		3	7	Giữ nguyên định mức
78	Tủ sấy parafin	Cái		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
79	Máy nấu parafin	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
80	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Cái		10		1		9	10	Giữ nguyên định mức
81	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
82	Máy điện châm đa năng không dùng kim	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
83	Máy tập vận động thụ động	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
84	Ghế kéo dẫn đốt sống cổ	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
85	Hệ thống tập phục hồi chức năng đa năng toàn thân	Hệ thống		4				4	4	Giữ nguyên định mức
86	Máy laser châm cứu 12 kênh trị liệu	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
87	Thiết bị tập khớp vai + cánh tay	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
88	Thiết bị tập bàn tay và cổ tay	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
89	Thiết bị tập phục hồi chức năng tay và chân kết hợp	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
90	Máy siêu âm điều trị đa tần	Máy		8		4		4	8	Giữ nguyên định mức
91	Máy laser nội mạch	Máy		12		4		8	12	Giữ nguyên định mức
92	Máy sắc thuốc đóng gói	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
93	Buồng điều trị oxy cao áp	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
94	Máy xoa bóp áp lực hơi	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
95	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
96	Máy điều trị bằng laser	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
97	Máy sắc thuốc	Máy		15		5		10	15	Giữ nguyên định mức
98	Máy từ trường điều trị	Máy		4		1		4	5	Đề xuất định mức: 05 máy
99	Máy tập vận động thụ động	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
100	Máy điện phân	Máy		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
101	Xe đạp phục hồi chức năng	Cái		20		5		15	20	Giữ nguyên định mức
102	Máy điều trị dòng giao thoa	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
103	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
104	Máy vi sóng điều trị liệu xung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
105	Bàn trị liệu thần kinh cột sống	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
106	Máy chạy bộ phục hồi chức năng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
107	Bộ tập thụ động các khớp	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
108	Khung quay tập khớp vai	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
109	Máy kích thích vi dòng giảm đau	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
110	Bộ hoạt động trị liệu	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
111	Khung tập chỉnh dáng đi	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
112	Bàn tập cơ bàn tay ngón tay	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
113	Thiết bị tập phối hợp chi trên	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
114	Thiết bị tập cổ tay, bàn tay	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
115	Thiết bị tập bước	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
116	Giàn tập lưng ngực	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
117	Hệ thống máy tập vận động trị liệu toàn thân	Hệ thống		3				3	3	Giữ nguyên định mức
118	Bộ tập phục hồi chức năng	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
119	Bộ bàn hoạt động trị liệu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
120	Bộ thước đo phục hồi chức năng	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
121	Ghế tập chân và khớp hông	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
122	Thiết bị tập kéo giãn gân cốt	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
123	Thiết bị tập duỗi gối	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
124	Dụng cụ tập khớp cổ chân	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
125	Thiết bị tập phục hồi chức năng khớp gối	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
126	Máy từ trường kết hợp nhiệt và rung massage	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
127	Bàn phục hồi chức năng	Bộ		8				8	8	Giữ nguyên định mức
128	Thiết bị chuyên khoa khác									
128	Đèn chiếu vàng da	Cái		12		3		9	12	Giữ nguyên định mức
129	Ghế nha khoa	Bộ		15		6		9	15	Giữ nguyên định mức
130	Tủ sấy (các loại)	Cái		22		5		17	22	Giữ nguyên định mức
131	Máy laser YAG	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
132	Máy Acthyderm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
133	Máy điện di (các loại)	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
134	Lông ấp sơ sinh	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
135	Máy đốt điện	Máy		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
136	Nồi hấp tiết trùng	Cái		16		6		10	16	Giữ nguyên định mức
137	Máy hấp tiết trùng	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
138	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
139	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
140	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		24		8		16	24	Giữ nguyên định mức
141	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
142	Bàn hồi sức sơ sinh	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
143	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
144	Máy Laser CO2	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
145	Máy plasma lạnh	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
146	Áo chỉ, yếm chỉ	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức
147	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Hệ thống		1		1		1	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 hệ thống
148	Đèn soi ven	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
149	Máy gây tê đám rối thần kinh	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
150	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
151	Kính Volk	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
152	Máy cắt bột	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
153	Máy cắt trĩ cao tần	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
154	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
155	Giường ủ ấm Nhì	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
156	Máy Holter huyết áp	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
157	Hệ thống tắm sơ sinh	Hệ thống		2				2	2	Giữ nguyên định mức
158	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	Máy				1		3	4	Căn cứ Đề án số 112/ĐA-BVTN ngày 11/8/2023 của Bệnh viện đa khoa Thùy Nguyên về việc Nâng cao năng lực y tế Bệnh viện đa khoa Thùy Nguyên đến năm 2030. Đề xuất định mức: 04 máy
159	Bộ nhuộm tiêu bản, mô	Bộ						2	2	Đề xuất định mức: 02 bộ
160	Tủ hút vô trùng	Cái				1		3	4	Đề xuất định mức: 04 cái
161	Tủ bảo quản vắc xin	Cái				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 cái
162	Tủ lạnh âm sâu	Cái				1		3	4	Đề xuất định mức: 04 cái
163	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
164	Bể dân tiêu bản	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
165	Máy mài lắp kính tự động	Hệ thống						2	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống
166	Máy doppler tim thai	Máy						6	6	Đề xuất định mức: 06 máy
167	Máy thở CPAP	Máy						8	8	Đề xuất định mức: 08 máy
168	Máy phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Hệ thống						2	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống
169	Bàn tiêu phẫu	Cái				1		4	5	Đề xuất định mức: 05 cái
170	Máy khoan xương	Cái				1		6	7	Đề xuất định mức: 07 cái
171	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi (các loại)	Bộ				1		4	5	Đề xuất định mức: 05 bộ
172	Bộ thông lệ đạo	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
173	Bộ dụng cụ phẫu thuật lệ mũi	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
174	Bộ dụng cụ phẫu thuật thủy tinh thể ngoài bao	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
175	Bộ dụng cụ phẫu thuật glaucoma	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
176	Bộ dụng cụ phẫu thuật quặm	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
177	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
178	Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
179	Bộ vi phẫu thuật nội soi thanh quản treo	Bộ						3	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
180	Máy khoan nha khoa	Máy						3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
181	Máy Laser điều trị	Máy						3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
182	Xe chở đồ vô khuẩn	Cái				3		5	8	Đề xuất định mức: 08 cái
183	Máy khử trùng phòng mổ	Máy						4	4	Đề xuất định mức: 04 máy
184	Đèn quang trùng hợp	Cái				2		11	13	Đề xuất định mức: 13 cái
185	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
186	Máy Laser Q-Switched Nd-YAG	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
187	Máy đo huyết áp tự động	Máy				1		7	8	Đề xuất định mức: 08 máy
188	Xe tiêm	Cái						20	20	Đề xuất định mức: 20 cái
189	Máy soi đáy mắt	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
190	Máy lấy da	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
191	Dao lấy da	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
192	Máy khí dung siêu âm	Máy				4		20	24	Đề xuất định mức: 24 máy
193	Máy đo nhĩ lượng	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
194	Máy đo độ lác	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
195	Máy bơm thuốc cân quang	Máy						3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
196	Hệ thống lọc nước cho máy thận nhân tạo	Hệ thống				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 hệ thống
197	Bồn rửa tay vô trùng	Cái						6	6	Đề xuất định mức: 06 cái
198	Máy lọc máu liên tục	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
199	Máy đo áp lực nội sọ	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
200	Dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ						2	2	Đề xuất định mức: 02 bộ
201	Dụng cụ phẫu thuật nội soi chỉnh hình	Bộ						2	2	Đề xuất định mức: 02 bộ
202	Dụng cụ phẫu thuật chỉnh hình	Bộ						2	2	Đề xuất định mức: 02 bộ
203	Máy điện châm	Máy				20		60	80	Đề xuất định mức: 80 máy
204	Máy điện xung (Trung tần điều trị)	Máy				20		60	80	Đề xuất định mức: 80 máy
205	Máy ly tâm lạnh	Máy				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
206	Máy đo nhãn áp	Máy						4	4	Đề xuất định mức: 04 máy
207	Máy phát laser điều trị u xơ tiền liệt tuyến	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
208	Máy hút tước dịch	Máy				1		3	4	Đề xuất định mức: 04 máy
209	Máy rửa quả lọc thận nhân tạo	Máy						4	4	Đề xuất định mức: 04 máy
210	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy Phục vụ công tác khám sàng lọc bệnh Lao, công tác điều trị tại Bệnh viện
211	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy Phục vụ công tác khám sàng lọc bệnh Lao, công tác điều trị tại Bệnh viện
212	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy Phục vụ công tác khám sàng lọc bệnh Lao, công tác điều trị tại Bệnh viện
213	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 4 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy Phục vụ công tác khám sàng lọc bệnh Lao, công tác điều trị tại Bệnh viện
X. BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH BẢO										Bệnh viện đa khoa hạng II (280 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	4		3		2	5	BV có 2 cơ sở điều trị II, trung bình chụp 5.500 ca/tháng Đề xuất định mức: 05 máy
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
2	Hệ thống CT Scanner ≤ 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Siêu âm									
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.					1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	7		5	4.600 ca/ tháng	4	9	BV có 02 cơ sở điều trị II và kế hoạch phát triển kỹ thuật tại các khoa lâm sàng Đề xuất định mức: 09 máy
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	6		4	2.800 test/ ngày	3	7	BV hiện có 04 máy 400 test/giờ, trung bình thực hiện 2.800 test/ngày tại 02 cơ sở điều trị nên cần có 07 máy để đảm bảo phục vụ chuyên môn Đề xuất định mức: 07 hệ thống
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy thận nhân tạo	Máy	+ Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy	10				12	12	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 12 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
8	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	8		8		6	14	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 14 máy
9	Máy gây mê các loại	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
10	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	10		10		25	35	BV có 03 phòng mổ, 10 giường hồi tỉnh, 10 giường hồi sức tích cực và phục vụ tại phòng cấp cứu của các khoa điều trị nội trú Đề xuất định mức: 35 máy
11	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	18		9		27	36	BV có 03 phòng mổ, 10 giường hồi tỉnh, 10 giường hồi sức tích cực và phục vụ tại phòng cấp cứu của các khoa điều trị nội trú Đề xuất định mức: 36 cái
12	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	18		2		34	36	Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.
13	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	3		2		3	5	Đề xuất định mức: 05 cái
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Máy phá rung tim (máy sốc tim)	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
15	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
17	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2		2		2	4	Trang bị cho 03 phòng tiểu phẫu+ khoa hồi sức tích cực, đề xuất bổ sung thêm 02 bộ Đề xuất định mức: 04 bộ
18	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	3		3		1	4	BV có 03 phòng mổ và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 04 cái
19	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	11		7		5	12	BV trung bình 1.000 bn ngoại trú/ ngày, có 430 giường nội trú và 02 cơ điều trị II Đề xuất định mức: 12 máy
20	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	1		1		1	2	BV trung bình 1.000 bn ngoại trú/ ngày, có 430 giường nội trú và 02 cơ điều trị II Đề xuất định mức: 02 máy
21	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1		2	3	BV có 03 cơ sở (BV + 02 cơ sở điều trị II), cần bổ sung thêm 02 hệ thống. Đề xuất định mức: 03 hệ thống

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo				250 ca/ tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	3		1		3	4	Đề xuất định mức: 04 hệ thống
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	1				1	1	Giữ nguyên định mức
22	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
23	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy in phim X-quang	Máy		3		3		2	5	Tương ứng với 05 hệ thống chụp X-quang tổng quát Đề xuất định mức: 05 máy
2	Máy chụp X quang răng	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy đo lưu huyết não	Máy		1		1		1	2	KH phát triển BV trang bị thêm cho cơ sở II Nam Am Đề xuất định mức: 02 máy
4	Máy chụp ảnh đáy mắt	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy laser võng mạc	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy đo độ loãng xương	Máy		1				3	3	Kế hoạch phát triển BV trang bị thêm cho 2 cơ sở II Đề xuất định mức: 03 máy
7	Máy chụp OCT	Máy						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
8	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy				2		0	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 máy
9	Kính soi góc tiền phòng	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
10	Kính Volk	Cái						2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
11	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái				1			1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Máy soi bóng đồng tử	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
13	Đèn soi đáy mắt	Cái				2		1	3	KH phát triển BV trang bị thêm cho cơ sở điều trị II Đề xuất định mức: 03 cái
14	Máy siêu âm doppler xuyên sọ	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
	Thiết bị xét nghiệm									
15	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		4		4		1	5	Bổ sung thêm 1 máy vì lưu lượng BN tăng lên Đề xuất định mức: 05 máy
16	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
17	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		5		4		2	6	KH phát triển BV trang bị thêm cho cơ sở điều trị II Đề xuất định mức: 06 máy
19	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Máy xét nghiệm HbA1c	Máy				3		1	4	Trang bị tại BV 2 máy và 2 cơ sở II Đề xuất định mức: 04 máy
21	Máy xét nghiệm sinh học phân tử	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
22	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
23	Máy ly tâm	Máy				4		2	6	Xin bổ sung thêm vì tăng lưu lượng xét nghiệm Đề xuất định mức: 06 máy
24	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
25	Tủ trữ máu	Chiếc		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
26	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Chiếc		3		2		2	4	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 04 chiếc
27	Tủ lạnh âm sâu	Chiếc				1		1	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 chiếc
28	Tủ ẩm CO2	Chiếc						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 chiếc
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức cấp cứu									
29	Máy xét nghiệm khí máu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
30	Lồng ấp sơ sinh	Cái		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
31	Máy tán sỏi laser	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
32	Máy Holter điện tim các loại	Máy		1				5	5	Kế hoạch phát triển bệnh viện, phục vụ theo dõi BN tại khoa Hồi sức tích cực và khoa Nội Đề xuất định mức: 05 máy
33	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
34	Bộ dụng cụ phẫu thuật nha khoa	Bộ		2		1		2	3	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 03 bộ
35	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
36	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
37	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiểu phẫu	Bộ		10		6		4	10	Giữ nguyên định mức
38	Máy đo nhãn áp	Máy		1				2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 máy
39	Máy cắt Amidan	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
40	Máy đốt điện	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
41	Máy đốt sóng cao tần	Máy						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
42	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
43	Bàn đê	Cái		3		2		2	4	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 04 cái
44	Bộ cắt Amidal gây mê	Bộ						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
45	Máy hút dịch áp lực thấp	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
46	Máy Holter huyết áp các loại	Máy						5	5	Kế hoạch phát triển bệnh viện, phục vụ theo dõi Bn tại khoa Hồi sức tích cực và khoa Nội Đề xuất định mức: 05 máy
47	Máy khí máu cầm tay	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
48	Hệ thống theo dõi bệnh nhân trung tâm	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
49	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc				5		2	7	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 07 chiếc
50	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống				1		0	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
51	Máy soi ven	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
52	Máy tách huyết tương giàu tiểu cầu	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
53	Hệ thống lọc nước RO	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
54	Máy rửa quả lọc thận	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
55	Máy pha dịch lọc thận	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
56	Máy đốt Laser	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
57	Máy lấy cao răng siêu âm	Cái				2		2	4	Đề xuất định mức: 04 cái
	Thiết bị thăm dò chức năng									
58	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
59	Máy sắc thuốc	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
60	Máy sắc thuốc đóng gói	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
61	Máy siêu âm điều trị	Máy		7		3		7	10	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 10 chiếc
62	Máy điện xung	Máy		12		10		16	26	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 26 máy
63	Xe đạp phục hồi chức năng	Chiếc		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
64	Bộ dụng cụ tập phục hồi chức năng	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
65	Giàn tập phục hồi chức năng đa năng	Hệ thống		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
66	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
67	Máy xông hơi điều trị	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
68	Máy từ trường điều trị	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
69	Máy trị liệu chân không 2 đầu ra	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
70	Máy điều trị kết hợp siêu âm, điện xung và laser	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
71	Máy điều trị laser nội mạch	Máy		1				6	6	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 06 máy
72	Máy điều trị kết hợp điện xung và siêu âm	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
73	Máy kéo giãn cột sống	Máy		2		1		3	4	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 04 máy
74	Máy điện phân	Máy		6				6	6	Giữ nguyên định mức
75	Máy nấu Parafin	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
76	Tủ sấy Parafin	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
77	Máy Plasma lạnh	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
78	Đèn chiếu vàng da	Cái				1		1	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
	Thiết bị chuyên khoa khác									
79	Máy siêu âm mắt (máy siêu âm A, A-B)	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
80	Máy đo thị trường	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
81	Máy phẫu thuật Phaco	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
82	Máy đo khúc xạ	Máy		1		2		1	3	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 03 máy
83	Máy Laser YAG	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
84	Bộ khoan cắt xương	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
85	Ghế nha khoa	Chiếc		4		2		3	5	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 05 chiếc
86	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
87	Máy tạo oxy	Cái		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
88	Máy hút dịch	Cái		8		12		0	12	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 12 cái
89	Máy hấp diệt trùng	Cái		3		2		4	6	Phục vụ tại khoa KSNK, phòng mổ và 2 cơ sở II Đề xuất định mức: 06 cái
90	Máy diệt trùng nhiệt độ thấp	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
91	Tủ sấy (các loại)	Cái		16		6		10	16	Giữ nguyên định mức
92	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		28		12		48	60	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 60 cái
93	Máy phun hóa chất khử trùng	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
94	Hệ thống tắm bé sơ sinh	Hệ thống		1		1			1	Giữ nguyên định mức
95	Cáng có xe đẩy	Cái						5	5	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 05 cái
96	Máy khử khuẩn không khí	Cái						4	4	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 04 cái
97	Máy định vị chóp	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
98	Máy nội nha	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
99	Máy nhổ răng	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
100	Đèn quang trùng hợp	Cái				1		1	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
101	Máy đo chức năng hô hấp	Cái				1		1	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
102	Máy rửa dụng cụ (các loại)	Cái						2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
103	Máy đo điện cơ	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
104	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương (các loại)	Bộ						2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 bộ
105	Bộ dụng cụ nội soi tiết niệu	Bộ						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
106	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
107	Máy hummer bảo nạo mô	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
108	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
109	Hệ thống hút dịch trung tâm	Hệ thống						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 Hệ thống
110	Bàn khám phụ khoa	Cái						2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
111	Đèn chiếu tia Plasma	Cái						2	2	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
112	Máy vỗ rung lồng ngực	Cái						1	1	Kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 cái
XI. BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÕ QUYỀN										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		2			2	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		2		1	3	Trung bình 11.792 ca/tháng; theo kế hoạch phát triển của bệnh viện Đề xuất định mức: 03 hệ thống
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	7		4		6	10	BV có 03 bàn mổ, 05 giường hồi sức , 05 giường bệnh nhân nặng; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 10 máy
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	7		4		6	10	BV có 03 bàn mổ, 05 giường hồi sức, 05 giường bn nặng; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 10 cái
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	7				10	10	Định mức tương đương số lượng Bơm tiêm điện.
11	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	2		3		0	3	BV có 03 bàn mổ Đề xuất định mức: 03 cái
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				2	2	Bv có 01 phòng mổ, 01 phòng hồi sức cấp cứu; theo kế hoạch phát triển bệnh viện. Đề xuất định mức: 02 máy
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.	1				2	2	BV hiện có 03 bàn mổ; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 hệ thống
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
15	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	5				5	5	Giữ nguyên định mức
16	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	3		3		0	3	Giữ nguyên định mức
17	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	6		4		6	10	Bv trung bình 500 bn ngoại trú/ ngày, có 160 giường nội trú; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 10 máy
18	Hệ thống khám nội soi									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		1	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 hệ thống
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
20	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Hệ thống chụp cộng hưởng từ < 1.5 Tesla	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy X-Quang răng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy Holter điện tim các loại	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
4	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1	1			0	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		2	1			1	2	Giữ nguyên định mức
6	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		4	3			1	4	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		5	3			2	5	Giữ nguyên định mức
8	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2	1			1	2	Giữ nguyên định mức
9	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
10	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		2	2			0	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy đo khúc xạ	Máy		2	1			1	2	Giữ nguyên định mức
12	Máy đo thính lực	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
13	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		3		3		0	3	Giữ nguyên định mức
14	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy laser nội mạch	Máy		1				5	5	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 05 máy
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
16	Máy khoan phẫu thuật	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
17	Máy tạo Oxy	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
18	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Cái		6		5		15	20	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 20 cái
	Thiết bị y tế chuyên khoa khác									
19	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
20	Ghế nha khoa	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
21	Tủ sấy (các loại)	Cái		1		7		0	7	Đáp ứng nhu cầu về công tác KSNK và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 07 cái
22	Máy hấp tiết trùng	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
23	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
24	Máy từ trường điều trị	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
25	Máy điều trị nội nha	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
26	Máy định vị chóp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
27	Máy tập khớp vai	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
28	Máy rửa dụng cụ	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
29	Máy sắc thuốc	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
30	Cảng có xe đẩy	Cái		1				6	6	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 06 cái
31	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
32	Tủ tia cực tím	Cái		1				2	2	Đáp ứng nhu cầu về công tác KSNK và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 cái
33	Máy đo độ loãng xương	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
34	Máy châm cứu bằng laser	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Máy sắc thuốc đóng gói	Máy		1				2	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 máy
36	Máy cắt bột	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
37	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
38	Máy siêu âm điều trị	Máy		1		2		1	3	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh tại khoa Đông Y; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 03 máy
39	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
40	Máy in phim X-quang	Máy				2		0	2	Máy đi kèm hệ thống X-Quang, hiện tại Bv có 02 hệ thống X-Quang Đề xuất định mức: 02 máy
41	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy				1		1	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
42	Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện triển khai các xét nghiệm mới kháng sinh đồ, phân lập vi khuẩn; theo kế hoạch phát triển bệnh viện. Đề xuất định mức: 01 máy
43	Máy lắc	Máy				1		1	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
44	Máy ly tâm	Máy				2		0	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 02 máy
45	Máy xét nghiệm khí máu	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
46	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Máy						1	1	Hiện tại Bv đang điều trị cho khoảng 155 BN viêm gan B, C ; 655 BN HIV; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
47	Máy đo chức năng hô hấp	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh ; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
48	Máy rửa dây nội soi	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về KSNK và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
49	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 hệ thống
50	Hệ thống máy tán sỏi Laser	Hệ thống						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 hệ thống
51	Máy nhổ răng	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
52	Máy đo nhãn áp	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
53	Bộ phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Bộ						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
54	Bộ phẫu thuật nội soi bàng quang	Bộ						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
55	Bộ dụng cụ nội soi tán sỏi	Bộ						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
56	Bộ dụng cụ nội soi cắt u tiền liệt tuyến	Bộ						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
57	Bộ dụng cụ nong niệu đạo	Bộ						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 bộ
58	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc				10		5	15	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 15 chiếc
59	Máy đánh giá mức độ mê	Máy						1	1	Hiện tại Bv có 01 Bs thực hiện được kỹ thuật; theo kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 01 máy
60	Giường hồi sức, cấp cứu	Cái							6	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 06 cái
61	Bàn kéo giãn cột sống	Cái				2		1	3	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 03 cái
62	Bồn rửa tay vô trùng	Cái				1		2	3	Đáp ứng nhu cầu về công tác KSNK và kế hoạch phát triển bệnh viện Đề xuất định mức: 03 cái
63	Cầu thang tập phục hồi chức năng	Chiếc						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện, đề xuất định mức 01 chiếc.
64	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện, đề xuất định mức 01 chiếc.
65	Máy đo nhĩ lượng	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện
66	Máy đo thị trường	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện
67	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy				1		4	5	Hiện tại Bv có 05 ghế răng, nhu cầu trang bị 01 máy/ghế.
68	Đèn quang trùng hợp	Cái				3		2	5	Hiện tại Bv có 05 ghế răng, nhu cầu trang bị 01 máy/ghế.
69	Máy điện xung - điện phân	Máy						3	3	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh ; theo kế hoạch phát triển bệnh viện
70	Máy chạy bộ	Máy				1		1	2	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện
71	Máy rung (massage có chân đứng)	Cái				2		1	3	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện
72	Máy cắt đốt Polyp	Máy						1	1	Hiện tại Bv có 02 bác sỹ thực hiện được kỹ thuật cắt đốt Polyp tại khoa Ngoại; theo kế hoạch phát triển bệnh viện
73	Máy chiếu thử thị lực	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh và kế hoạch phát triển bệnh viện
74	Máy cất nước	Máy						2	2	Đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước đầu vào cho các máy xét nghiệm: sinh hóa, miễn dịch,...
75	Máy Holter huyết áp các loại	Máy						1	1	Đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh ; theo kế hoạch phát triển bệnh viện
XII. TRUNG TÂM Y TẾ AN DƯƠNG										TTYT hạng III (180 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống Xquang									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		2	2000 ca/tháng	0	2	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động(kỹ thuật số)	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT –Scanner<64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo				250ca /tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Siêu âm									
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.				≤ 300 ca /tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	5		3	2500 ca/tháng	2	5	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		2	tối đa 1200 test/giờ		2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2		1	150 test/ngày	1	2	Giữ nguyên định mức
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	4		4			4	Giữ nguyên định mức
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	4		2	680 ca mổ/năm	2	4	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân(monitor theo dõi bệnh nhân)	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	14		5		9	14	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	30		2	thường xuyên	28	30	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	30		2	thường xuyên	28	30	Giữ nguyên định mức
11	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	4		3	680 ca mổ/năm	1	4	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ dao hàn mạch/ dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.				680 ca mổ/năm	1	1	Sử dụng trong các ca phẫu thuật nội soi ổ bụng, tuyến giáp
12	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.	1		1			1	Giữ nguyên định mức
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	4		4	680 ca mổ/năm		4	Giữ nguyên định mức
15	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
16	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	4		3	680 ca mổ/năm	1	4	Giữ nguyên định mức
17	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	6		6	> 10.000 ca/năm		6	Giữ nguyên định mức
18	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Hệ thống nội soi khí phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1	300 ca/tháng		1	Giữ nguyên định mức
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1	700 ca/năm	1	2	Đề xuất định mức: 02 máy (02 bàn khám sản)
21	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy chụp X-quang răng	Máy		1		1			1	Giữ nguyên định mức
2	Máy đo độ loãng xương	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy chụp X-quang răng toàn cảnh	Máy					60 bn/tháng	1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
4	Máy in phim X-quang	Máy				2	Thường xuyên		2	Đề xuất định mức: 02 máy
5	Áo chì	Cái				1	Thường xuyên	3	4	Đề xuất định mức: 04 cái (02 phòng chụp XQ)
	Thiết bị xét nghiệm									
6	Máy xét nghiệm Realtime-PCR	Máy	Máy xét nghiệm Realtime-PCR			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
7	Máy tách chiết Nucleic acid tự động	Máy	Máy tách chiết Nucleic acid tự động			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
8	Máy ly tâm lạnh	Máy	Máy ly tâm lạnh			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
9	Máy lắc	Máy	Máy lắc			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
10	Máy vortex/Spin	Máy	Máy vortex/Spin			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
11	Tủ thao tác PCR	Máy	Tủ thao tác PCR			1			1	600 BN viêm gan B, C; 200 BN HIV
12	Kính hiển vi	Cái	Kính hiển vi	3		3			3	Giữ nguyên định mức
13	Máy ly tâm	Máy	Máy ly tâm	4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
14	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	Máy xét nghiệm nước tiểu	5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
15	Máy xét nghiệm đông máu	Máy	Máy xét nghiệm đông máu	1		1			1	Giữ nguyên định mức
16	Máy xét nghiệm điện giải	Máy	Máy xét nghiệm điện giải	2		1	Thường xuyên	1	2	Giữ nguyên định mức
17	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	Máy xét nghiệm huyết học	3		3	Thường xuyên		3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
18	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	5		4		1	5	Giữ nguyên định mức
19	Tủ trữ máu	Cái	Tủ trữ máu			2	Thường xuyên		2	Trang bị phục vụ lưu trữ máu Đề xuất bổ sung định mức 02 cái
20	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái	Tủ an toàn sinh học (các loại)	2		4	Thường xuyên		4	Trang bị cùng hệ thống PCR và phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Đề xuất bổ sung định mức 04 cái
21	Tủ âm	Cái	Tủ âm	2		1		1	2	
22	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori	Máy	Máy chẩn đoán Helicobacter Pylori					1	1	Chẩn đoán nhiễm vi khuẩn hp trên bệnh nhân viêm loét dạ dày hành tá tràng Đề xuất định mức: 01 máy
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
23	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản, phụ khoa	Bộ		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
24	Bộ mổ đẻ	Bộ		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ		2		2			2	Giữ nguyên định mức
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
27	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
28	Bộ dụng cụ phẫu thuật Mắt	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
29	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
30	Bộ dụng cụ phẫu thuật Răng hàm mặt	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
31	Máy nén khí dùng cho máy gây mê	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
32	Đèn đặt nội khí quản có camera	Chiếc		1		1			1	Giữ nguyên định mức
33	Bàn kéo nắn bó bột	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
34	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		20		17		3	20	Giữ nguyên định mức
35	Bàn tiểu phẫu	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
36	Máy hút dịch áp lực thấp	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
37	Hệ thống oxy trung tâm	Hệ thống		1		1			1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa phụ sản									
38	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1	Thường xuyên	1	2	Giữ nguyên định mức
39	Máy nghe tim thai (doppler)	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
40	Đèn chiếu vàng da sơ sinh	Cái		4		2	Thường xuyên	2	4	Giữ nguyên định mức
41	Bàn khám phụ khoa	Cái		3		2	Thường xuyên	1	3	Giữ nguyên định mức
42	Bàn đẻ	Cái		3		2	Thường xuyên	1	3	Giữ nguyên định mức
43	Giường sưởi ấm sơ sinh	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
44	Lồng ấp sơ sinh	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Mắt									
45	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
46	Máy sinh hiển vi khám mắt	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
47	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ		1		1			1	Giữ nguyên định mức
48	Đèn soi đáy mắt	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
49	Máy đo nhãn áp	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
50	Máy đo khúc xạ	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
51	Máy đo thị trường	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
52	Máy siêu âm mắt	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
53	Bảng kiểm tra thị lực	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Tai mũi họng									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
54	Ghế khám tai mũi họng	Chiếc		1		1			1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Răng hàm mặt									
55	Ghế nha khoa	Chiếc		3		2	Thường xuyên	1	3	Giữ nguyên định mức
56	Bộ dụng cụ khám và điều trị răng hàm mặt	Bộ		3		1	Thường xuyên	2	3	Giữ nguyên định mức
57	Máy lấy cao răng bằng siêu âm	Máy		3		2	Thường xuyên	1	3	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng									
58	Máy kéo giãn cột sống	Máy		2		2	Thường xuyên		2	Giữ nguyên định mức
59	Máy sắc thuốc	Máy		2		2	Thường xuyên		2	Giữ nguyên định mức
60	Máy điện phân	Máy					Thường xuyên	2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
61	Máy điện xung, điện phân	Máy				1	Thường xuyên	1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
62	Máy điện xung	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
63	Máy siêu âm điều trị	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
64	Máy lase nội mạch	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
65	Máy tập đa năng	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
66	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
67	Tủ sấy nền Parafin	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
68	Cầu thang tập đi	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn									
69	Tủ sấy (các loại)	Cái		6		6			6	Giữ nguyên định mức
70	Nồi hấp tiết trùng(hấp sấy tiết trùng)	Chiếc		6		5		1	6	Giữ nguyên định mức
71	Máy hấp tiết trùng(hấp sấy tiết trùng)	Cái		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
72	Máy rửa dụng cụ	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phục vụ cho y tế dự phòng									
73	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		3		4		1	5	Đề xuất bổ sung định mức 05 cái
74	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Cái		14		14			14	Giữ nguyên định mức
75	Mô hình đặt nội khí quản	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
76	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
77	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
78	Bồn rửa tay vô trùng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ AN DƯƠNG (10 TYT + 03 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú					10	10	Trang bị cho 10 TYT đáp ứng công tác khám Bảo hiểm y tế
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Tủ sấy	Cái		16				14	16	Giữ nguyên định mức
2	Nồi hấp tiết trùng	Cái		16				14	16	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy				2		8	10	Đề xuất định mức: 10 máy
XIII. TRUNG TÂM Y TẾ CÁT HẢI										
TTYT hạng III (50 giường kế hoạch)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X-quang									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 máy
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	3		3		1	4	Đề xuất định mức: 04 máy
5	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	7		4		3	7	Giữ nguyên định mức
7	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	7		4		3	7	Giữ nguyên định mức
8	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	7		3		4	7	Giữ nguyên định mức
9	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	2		2		2	4	Đề xuất định mức: 04 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
11	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
13	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
14	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 cái
15	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	6		4		3	7	Đề xuất định mức: 07 máy
16	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy chụp X-quang	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống xử lý ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Áo chì, yếm chì	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
4	Máy in phim	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy chụp X-quang răng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy nghe tim thai	Máy		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
7	Máy siêu âm điều trị	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
8	Thiết bị soi ối	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 hệ thống
	Thiết bị xét nghiệm									
10	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
12	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Chiếc		4				4	4	Giữ nguyên định mức
15	Tủ lạnh âm sâu	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
16	Tủ trữ máu	Chiếc		2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
17	Tủ âm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
19	Máy li tâm	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
20	Máy đo huyết áp tự động	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức
23	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản, phụ khoa	Bộ		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
24	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
26	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
27	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
28	Bộ khoan, cưa xương đa năng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
30	Bộ dụng cụ phẫu thuật Đầu - Mặt - Cổ	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
31	Bồn rửa tay vô trùng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
32	Cảng có xe đẩy	Chiếc		4				4	4	Giữ nguyên định mức
33	Bàn lâm bột bó xương	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
34	Máy tháo lồng ruột	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Máy cắt đốt cổ tử cung	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
36	Máy rửa khử trùng dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
37	Tủ sấy (các loại)	Chiếc		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
38	Máy hút dịch	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
39	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
40	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		20				20	20	Giữ nguyên định mức
41	Giường sưởi ấm sơ sinh	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
42	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
43	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc		4				13	13	Đề xuất định mức: 13 chiếc
44	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
45	Xe đẩy y dụng cụ đa năng	Chiếc		10		5		5	10	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa y học cổ truyền - phục hồi chức năng									
46	Máy sắc thuốc	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
47	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
48	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
49	Bàn kéo nắn chỉnh hình	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
50	Máy điện xung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa sản									
51	Bàn khám phụ khoa	Chiếc		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
52	Bàn đẻ	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
53	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
54	Bàn hồi sức sơ sinh	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
55	Đèn chiếu vàng da	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
56	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt									
57	Ghế nha khoa	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
58	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa Mắt									
59	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
60	Kính Volk	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
61	Máy sinh hiển vi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
62	Bảng kiểm tra thị lực	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
63	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		7				7	7	Giữ nguyên định mức
64	Mô hình đặt nội khí quản	Bộ		1		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 bộ
65	Mô hình đặt sonde tiêu nữ	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
66	Mô hình thông tiêu nam	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
67	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG TẠI TRẠM Y TẾ CÁT HAI (13 TYT)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	4				13	13	Trang bị cho 01 máy/ TYT
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		13				13	13	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		13				13	13	Giữ nguyên định mức
3	Tủ bảo quản vắc xin	Cái/trạm						13	13	Trang bị cho 01 máy/ TYT
4	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy				13			13	Đề xuất định mức: 13 máy
XIV. TRUNG TÂM Y TẾ KIẾN THỤY										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Siêu âm									
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	6		4	1.700 ca/tháng	3	7	- Trung tâm có 2 cơ sở khám chữa bệnh, thực hiện chẩn đoán 1.700 ca/tháng: Định mức 03 máy. - Trung tâm có đơn vị Hồi sức, Cấp cứu, Hồi sức sau phẫu thuật, Đơn vị sử dụng siêu âm hỗ trợ: Định mức 04 máy. - Đề nghị định mức là: 07 máy.
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	5		3	trên 700 test/ ngày	2	5	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy thận nhân tạo	Máy						20	20	- Đề xuất định mức là: 20 máy.
7	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	4		2	Thường xuyên	2	4	Giữ nguyên định mức
8	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	4		1	Khoảng 8 ca mổ/ 2 phòng ngày	2	3	- Trung tâm có 03 bàn mổ: Ngoại 2 và Sản 1. - Định mức đề nghị: 03 máy.
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.			8		12	20	- Trung tâm hiện có 03 bàn mổ (01 bàn mổ ngoại khoa, 01 bàn mổ sản, 01 bàn mổ CS2) + 10 giường hồi tỉnh/HS/CC của khoa Ngoại và khoa HSN cấp cứu) + 05 giường hồi tỉnh/ HS cấp cứu CS2 + 02 giường chăm sóc BN nặng (gây mê hồi sức). - Định mức đề nghị: 20 máy.
10	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	9		5		15	20	- Trung tâm hiện có: 3 bàn mổ (1 bàn mổ khoa ngoại, 1 bàn mổ mổ Sản và 1 bàn mổ cơ sở 2) + 10 giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu ở khoa Ngoại và khoa Nội hồi sức CC + 05 giường hồi tỉnh/hồi sức cấp cứu ở CS2 + 02 giường ở khoa Nhi Lây. - Định mức đề nghị: 20 cái.
11	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	9				20	20	Tương đương số bơm tiêm điện
12	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
13	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.					1	1	- Đề nghị trang bị 01 hệ thống/ 1 bàn mổ
15	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	4		1		4	5	- Trung tâm hiện có 03 phòng mổ, dự kiến xây dựng thêm phòng mổ với 02 bàn mổ tiểu phẫu. - Định mức đề nghị: 05 bộ
16	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
17	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	4		3		2	5	- Trung tâm hiện có 03 phòng mổ, định mức 03 cái. - Trung tâm đang xây dựng thêm phòng mổ với 02 Bàn mổ tiểu phẫu tại khoa Ngoại tổng hợp. - Định mức đề nghị: 05 cái.
18	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	7		6		4	10	- Trung tâm có 02 cơ sở với 190 giường thực kê, có 06 khoa điều trị nội trú; đề nghị trang bị 08 máy. - BN ngoại trú ngày càng tăng, đề nghị trang bị 02 máy. - Định mức đề nghị: 10 máy
19	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
20	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1		0	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống cho 02 cơ sở
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 máy (02 cơ sở)
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Máy chụp X-quang	Chiếc		2		2		1	3	Cơ sở 1: 01 cái và cơ sở 2: 01 cái nhưng thường xuyên trục trặc (máy sử dụng từ năm 2003 đến nay đã hết khấu hao tài sản) Xem lại giải trình: Máy cũ hỏng thì thanh lý mua mới
2	Hệ thống xử lý ảnh kỹ thuật số	Chiếc		2		2			2	Giữ nguyên định mức
3	Máy X-quang răng	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho triển khai tại Trung tâm và Đa khoa Tú Sơn
4	Máy in phim X-quang	Máy				2		2	4	Đề xuất định mức 04 máy cho cơ sở 1 và cơ sở 2
Thiết bị xét nghiệm										
5	Tủ trữ máu	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
6	Tủ an toàn sinh học	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm huyết học	Chiếc		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
8	Máy xét nghiệm máu lắng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
9	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc		4		2	2.300 ca/tháng	2	4	Giữ nguyên định mức
10	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Chiếc				1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
11	Máy xét nghiệm đông máu	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
12	Máy li tâm	Chiếc		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
13	Máy xét nghiệm HbA1c	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy xét nghiệm khí máu	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
15	Máy xét nghiệm điện giải	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy phục vụ khám chữa bệnh tại cơ sở 1 và cơ sở 2
16	Tủ âm	Cái						2	2	Đề xuất định mức 02 cái cho cơ sở 1 và cơ sở 2
17	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
18	Hệ thống lọc nước cho máy xét nghiệm	Hệ thống				2		2	4	Trang bị cho 2 cơ sở, đề xuất định mức 04 hệ thống
19	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
20	Máy định danh và đo tải lượng vi rút, vi khuẩn	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
21	Máy phun hoá chất khử khuẩn	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
22	Máy đo chức năng hô hấp	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
23	Máy đo độ loãng xương	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
24	Máy đốt cổ tử cung	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Bàn hồi sức sơ sinh	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
26	Máy thở di động	Chiếc				2	Hàng ngày	3	5	Khoa Nội HSCC: 02 chiếc Cơ sở 2: 02 chiếc Phục vụ cấp cứu ngoại viện: 01 chiếc Đề xuất định mức 05 chiếc
27	Khoan xương điện	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
28	Bộ dụng cụ phẫu thuật (các loại)	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
29	Đèn chiếu vàng da	Chiếc		2		2	Hàng ngày	2	4	Có 2 máy đã lâu ngày và thường xuyên trục trặc Xem lại giải trình: Máy cũ hỏng thì thanh lý mua mới
30	Máy Doppler tim thai	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
31	Lồng ấp vận chuyển / lồng ấp sơ sinh	Chiếc		2				3	3	Đề xuất định mức 03 chiếc cho cơ sở nào?
32	Bàn lâm bột bó xương	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
33	Bàn đẻ	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
34	Hệ thống lọc nước RO dùng cho thận nhân tạo	Hệ thống						2	2	Trang bị cho 2 cơ sở, đề xuất định mức 02 hệ thống
35	Máy điện phân	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
36	Thiết bị soi ối	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
37	Mô hình đặt nội khí quản	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức 02 chiếc
38	Che chắn chì di động	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc sử dụng cho cơ sở 2
39	Ao chì	Chiếc		2		1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
40	Máy hấp tiệt trùng	Chiếc		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
41	Máy sinh hiển vi	Chiếc		2		1		1	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
42	Kính hiển vi	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
43	Máy sấy tiệt trùng	Chiếc				4		1	5	Đề xuất định mức 05 chiếc 02 cơ sở
44	Máy siêu âm điều trị	Chiếc				3		2	5	Đề xuất định mức 05 chiếc cho 02 cơ sở phục vụ nhu cầu điều trị nội trú tại khoa Ngoại tổng hợp, khoa Nội - Hồi sức và cơ sở 2
45	Máy siêu âm mắt	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
46	Máy sắc thuốc	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
47	Máy kéo giãn cột sống	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
48	Máy giặt công nghiệp	Chiếc				1		1	2	Máy cũ sử dụng đã lâu ngày
49	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		10		2		18	20	Khoa Nội Hồi sức CC: 05 chiếc; Ngoại TH: 05 chiếc; Nhi - Truyền nhiễm: 05 chiếc; Cơ sở 2: 05 chiếc Đề xuất định mức 20 chiếc
50	Bàn kéo nắn chỉnh hình	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
51	Ghế nha khoa	Chiếc		2		2		2	4	Đề xuất định mức 04 chiếc 02 cơ sở
52	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản, phụ khoa	Bộ				1		1	2	Đề xuất định mức 02 bộ
53	Bộ mô đẻ	Bộ				2		1	3	Đề xuất định mức 03 bộ
54	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ				1		1	2	Đề xuất định mức 02 bộ
55	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng	Bộ				2		1	3	Đề xuất định mức 03 bộ
56	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	Bộ						2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
57	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ						2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
58	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ						2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
59	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ						2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
60	Máy nén khí dùng cho máy gây mê	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
61	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc				3		5	8	Đề xuất định mức 08 chiếc 02 cơ sở
62	Bàn kéo nắn bó bột	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức 02 chiếc 02 cơ sở
63	Hệ thống lọc nước RO	Hệ thống						2	2	Trang bị cho 2 cơ sở, đề xuất định mức 02 hệ thống
64	Cảng có xe đẩy	Chiếc						5	5	Đề xuất định mức: 05 chiếc
65	Máy cắt đốt	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
Thiết bị chuyên khoa Mắt										
66	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
67	Máy sinh hiển vi	Máy				1		1	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
68	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ						1	1	Đề xuất định mức 01 bộ
69	Đèn soi đáy mắt	Cái				1		1	2	Đề xuất định mức 02 cái cho 02 cơ sở
70	Máy đo nhãn áp	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
71	Máy đo khúc xạ	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
72	Máy đo thị trường	Máy						1	1	Đề xuất định mức 01 máy
73	Bảng kiểm tra thị lực	Chiếc				1		2	3	Đề xuất định mức 03 chiếc 02 cơ sở
Thiết bị chuyên khoa Tai mũi họng										
74	Ghế khám tai mũi họng	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
Thiết bị chuyên khoa Răng hàm mặt										
75	Máy nhổ răng Siêu âm	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
76	Máy điều trị tủy răng	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
77	Máy nén khí dùng cho máy răng	Bộ				1		2	3	Đề xuất định mức 03 bộ cho 02 cơ sở.
78	Máy lấy cao răng bằng siêu âm	Máy				1		4	5	Đề xuất định mức 05 máy
Thiết bị chuyên khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng										
79	Máy siêu âm điều trị	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
80	Máy laser nội mạch	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
81	Máy tập đa năng	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
82	Máy sóng ngắn điều trị	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
83	Cầu thang tập đi	Cái				1		1	2	Đề xuất định mức 02 cái cho 02 cơ sở
84	Máy điện xung điện phân	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
85	Máy điện trị liệu đa năng	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
86	Máy xoa bóp bằng áp lực hơi	Máy						8	8	Đề xuất định mức 08 máy cho cơ sở 1 (05 máy) và cơ sở 2 (03 máy)
	Thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn									
87	Máy rửa dụng cụ	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
88	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức 01 chiếc
89	Tủ sấy (các loại)	Cái						2	2	Đề xuất định mức 02 cái cho cơ sở 1 và cơ sở 2
90	Máy rửa dụng cụ	Máy						2	2	Đề xuất định mức 02 máy cho 2 cơ sở
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ KIẾN THỤY (16 TYT + 02 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	7				7	7	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		18				18	18	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		18				18	18	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy				18			18	Đề xuất định mức: 18 máy
XV. TRUNG TÂM Y TẾ TIỀN LÃNG										TTYT hạng III (190 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		1		2	3	Hiện tại có 2 cơ sở trong đó: Tại cơ sở 1 của Trung tâm sử dụng với tần suất là 1.800 ca/tháng được sử dụng 02 máy; Tại cơ sở 2 tại PKDK KV Hùng Thắng cần 01 máy thay thế máy chụp Xquang thường (máy quá cũ từ năm 2000 và bị hỏng nhiều lần) - Đề xuất định mức: 03 máy
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Máy X quang C Arm	Máy	+ Tối đa 01 máy/4 phòng mổ. + Cơ sở có triển khai kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP) hoặc can thiệp được bổ sung tối đa 01 máy/đơn vị.					1	1	Trung tâm chưa có; Trung tâm bổ sung định mức 01 máy cho phòng mổ
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có hệ thống nào; Trung tâm định mức 01 máy để đáp ứng nhu cầu chuyên môn theo kế hoạch phát triển của Trung tâm Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có hệ thống nào; Trung tâm bổ sung định mức giai đoạn 2026-2030 01 máy để đáp ứng nhu cầu chuyên môn theo kế hoạch phát triển của Trung tâm Đề xuất định mức: 01 hệ thống
4	Siêu âm									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có máy nào; Trung tâm định mức 01 máy để đáp ứng nhu cầu chuyên môn theo kế hoạch phát triển của Trung tâm Đề xuất định mức: 01 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có máy nào; Trung tâm định mức 01 máy để đáp ứng nhu cầu chuyên môn theo kế hoạch phát triển của Trung tâm Đề xuất định mức: 01 hệ thống
6	Máy thận nhân tạo	Máy	+ Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy					10	10	Đề xuất định mức: 10 máy
7	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2		1		4	5	Trung tâm bổ sung định mức gồm: 05 Giường hồi sức tích cực tại các khoa (Nội TN: 01; Nhi: 01; Ngoại sản: 02; KKB: 01).
8	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	7		5		20	25	Trung tâm bổ sung định mức gồm: 03 bàn mổ (Ngoại sản: 02; Mắt: 01): 03 cái 18 Giường hồi sức tích cực: (Nội TN: 04; Nhi: 04; Ngoại sản: 06; RHM-Mắt -TMH: 02; KKB: 02): 18 cái 04 giường sau phẫu thuật (hồi tỉnh): (Ngoại sản): 04 cái Hiện tại trung tâm có 03 máy bị hỏng không thể sử dụng được

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
10	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	7		5		20	25	Trung tâm bổ sung định mức gồm: 03 bàn mổ (Ngoại sản: 02; Mát: 01): 03 cái 18 Giường hồi sức tích cực: (Nội TN: 04; Nhi: 04; Ngoại sản: 06; RHM-Mát -TMH: 02; KKB: 02): 18 cái 04 giường sau phẫu thuật (hồi tỉnh): (Ngoại sản): 04 cái. Hiện tại trung tâm có 03 máy bị hỏng không thể sử dụng được
11	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	7		3		22	25	Số lượng định mức tương đương với bơm tiêm điện
12	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có. Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 cái để đảm bảo hoạt động chuyên môn tại Trung tâm theo kế hoạch phát triển của đơn vị Đề xuất định mức: 01 cái
13	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	2		1		3	4	Trung tâm có 01 máy nhưng bị hỏng không thể sử dụng được. Trung tâm đề xuất giai đoạn 2026-2030 là 04 máy trong đó 02 máy tại 02 phòng mổ; 01 máy khoa Nội TN; 01 máy tại khoa khám bệnh. Tổng định mức là 04 máy
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	+ 01 hệ thống/bàn mổ có mô nội soi.					1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 hệ thống nhằm phục vụ chuyên môn tại Trung tâm theo kế hoạch phát triển của đơn vị Đề xuất định mức: 01 hệ thống
15	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
16	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	1				2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 02 bộ nhằm phục vụ chuyên môn tại phòng tiểu phẫu và phòng hồi sức của đơn vị Đề xuất định mức: 02 bộ
17	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	3		2		2	4	Trung tâm bổ sung định mức 04 bàn trong đó khoa Ngoại Sản 03; Mát 01.
18	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	3		2		2	4	Hiện tại Trung tâm có 02 máy, trong đó 01 máy dùng cho bệnh nhân cấp cứu điều trị tại khoa Nội truyền nhiễm; 01 máy hoạt động cho bệnh nhân khám ngoại trú là không đảm bảo công suất. Trung tâm đề xuất nhu cầu thêm 2 máy phục vụ bệnh nhân ngoại trú (01 máy tại cơ sở 1 và 01 máy phục vụ tại PK đa khoa KV 2) Đề xuất định mức: 04 máy
19	Hệ thống khám nội soi									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1	130 ca/ tháng	1	2	Trung bình có 130 ca/1 tháng. Trung tâm đề xuất định mức 02 hệ thống là phù hợp đảm bảo hoạt động chuyên môn tại đơn vị Đề xuất định mức 02 hệ thống
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		1		2	3	Hiện tại Trung tâm có 01 hệ thống phục vụ công tác nội soi cho bệnh nhân nội trú, ngoại trú. Với trung bình 320 ca/tháng và 1 bàn khámTai mũi họng, Trung tâm đề xuất nhu cầu thêm 2 máy là phù hợp với Thông tư 08/2019/TT-BYT - Đề xuất định mức: 03 hệ thống
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	4		1		4	5	- Hiện tại Trung tâm có 02 bàn đẻ, 04 giường theo dõi sản khoa, theo định mức cần phải có 06 máy. - Đề xuất định mức: 05 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Máy chụp X-quang thường	Máy		1		1			1	Giữ nguyên định mức
2	Máy rửa phim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy siêu âm điều trị	Máy		1				2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm điều chỉnh định mức giai đoạn 2026-2030: 02 máy
4	Máy siêu âm xách tay	Máy						2	2	Trung tâm bổ sung định mức 02 máy phục vụ bệnh nhân cấp cứu trong đó: Khoa nội TN 01 máy. Khoa XN-CDHA; 01 máy
5	Hệ thống xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống				1		0	1	- Hiện tại Trung tâm có 01 hệ thống đang sử dụng - Đề xuất định mức: 01 hệ thống
6	Máy in phim X-quang	Máy				1		1	2	Máy chụp Xquang đang sử dụng có đi kèm với máy in phim; - Đề xuất định mức: 02 máy
Thiết bị xét nghiệm										
7	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		3		2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
8	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		3		3		1	4	Đề xuất định mức: 04 máy
9	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất giai đoạn 2026-2030: 02 máy
11	Máy ly tâm	Máy		3		2		2	4	Hiện tại trung tâm có 02 máy trong đó PKKV: 01 và tại Trung tâm 01; Trung tâm bổ sung định mức giai đoạn 2026-2030: 02 máy. Tổng định mức là 04 máy
12	Tủ trữ máu	Cái		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
13	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2		1		2	3	Hiện tại trung tâm có 01 cái tủ an toàn sinh học loại 1; Trung tâm bổ sung định mức giai đoạn 2026-2030: 02 cái tủ an toàn sinh học loại 2 cho PKKV: 01 và tại trung tâm 01

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
14	Tủ âm	Cái		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
15	Kính hiển vi (các loại)	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
16	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm bổ sung 02 máy cho PKKV (01 máy) và tại trung tâm (01 máy)
17	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy						1	1	- Trung tâm đề xuất 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
18	Máy định danh và đo tải lượng vi rút, vi khuẩn	Máy						1	1	- Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm
	Thiết bị thăm dò chức năng									
19	Hệ thống kéo giãn cột sống	Hệ thống		1		1		1	2	Hiện tại Trung tâm có 01 máy không đủ đáp ứng nhu cầu phục vụ bệnh nhân; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 02 hệ thống
20	Máy điện trị liệu đa năng	Máy		1		1		2	3	Trung tâm đề xuất nhu cầu bổ sung 02 máy phục vụ hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 03 máy
21	Bộ tập phục hồi chức năng	Bộ						5	5	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 05 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 05 bộ
22	Dàn tập đa năng	Dàn						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 01 dàn đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm
23	Máy đo độ loãng xương	Máy						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 02 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 02 máy
24	Máy sóng ngắn điều trị	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn PHCN tại Trung tâm
25	Máy laser trị liệu (các loại)	Máy						5	5	Đề xuất định mức: 05 máy
26	Máy sắc thuốc	Máy						5	5	Đề xuất định mức: 05 máy
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
27	Máy tạo Oxy	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
28	Máy hút áp lực thấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
30	Hệ thống khí oxy trung tâm	Hệ thống						1	1	Trung tâm chưa có; Trung tâm bổ sung định mức 01 hệ thống
31	Máy hút dịch	Máy		13		8		5	13	Giữ nguyên định mức
32	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần nhu cầu trang bị 02 bộ cho phòng cấp cứu đáp ứng nhu cầu chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 02 bộ

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
33	Bộ đặt nội khí quản có Camera	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 bộ
	Thiết bị nhân khoa									
34	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		2		1		2	3	Hiện tại Trung tâm có 01 máy sinh hiển vi khám mắt đã sử dụng từ năm 2012, nay đã sửa chữa nhiều lần và hết thời gian sử dụng, với số lượng 200/tháng Trung tâm cần bổ sung thêm 01 máy sinh hiển vi khám mắt và 01 máy sinh hiển vi phẫu thuật đáp ứng nhu cầu chuyên môn theo kế hoạch phát triển của đơn vị - Đề xuất định mức: 03 máy
35	Máy đo khúc xạ	Máy		1		1		1	2	Hiện tại Trung tâm có 01 máy đã sử dụng từ năm 2017, nay đã sửa chữa nhiều lần, với số lượng 200/tháng Trung tâm cần bổ sung thêm 01 máy đáp ứng nhu cầu chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 máy
36	Đèn soi đáy mắt	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
37	Máy chụp ảnh đáy mắt	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng phục vụ nhu cầu chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
38	Máy siêu âm mắt	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng phục vụ nhu cầu chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
39	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Chiếc						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 chiếc để đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 01 chiếc
40	Máy đo nhãn áp	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
41	Máy chiếu thử thị lực	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
42	Máy Plasma lạnh	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 máy
43	Đèn soi bóng đồng tử	Bộ						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 01 bộ

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
44	Bộ thử kính	Bộ						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 02 bộ đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 02 bộ
45	Bộ dụng cụ vi phẫu thuật mắt	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 bộ
46	Máy đo thị trường	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm.
Thiết bị chuyên khoa nha khoa										
47	Ghế nha khoa	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
48	Máy chụp X-quang răng	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm đề xuất nhu cầu 01 máy đáp ứng phục vụ nhu cầu chuyên môn khám và điều trị Răng hàm mặt tại đơn vị - Đề xuất định mức: 01 máy
49	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 bộ
50	Máy điều trị nội nha	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 01 máy
51	Máy lấy cao răng	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 01 máy
52	Máy nén khí dùng cho máy răng	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm
Thiết bị chuyên khoa tai mũi họng										
53	Bộ phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần nhu cầu trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 bộ
54	Máy cắt Amidan	Máy						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 máy đảm bảo phục vụ chuyên môn tại Trung tâm - Đề xuất định mức: 02 máy
55	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm. - Đề xuất định mức: 02 bộ
Thiết bị sản nhi										
56	Lồng ấp sơ sinh	Cái		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
57	Đèn chiếu vàng da	Cái		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
58	Máy đốt cổ tử cung	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
59	Bàn đẻ	Cái		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
60	Giường sưởi ấm sơ sinh	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
61	Bàn khám phụ khoa	cái		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
62	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		8		3		5	8	Giữ nguyên định mức
63	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
64	Máy nghe tim thai	Máy				2		1	3	Hiện tại Trung tâm có 02 máy phục vụ tại phòng theo dõi sản khoa. Trung tâm cần bổ sung 01 máy phục vụ tại phòng đẻ Đề xuất định mức: 03 máy
65	Bàn khám sản	Cái				1		0	1	TT đề nghị bổ sung định mức: 01 cái
66	Giường hồi sức sơ sinh	Cái						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 giường đảm bảo công tác hồi sức cấp cứu cho trẻ
67	Thiết bị soi ối	Chiếc						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 thiết bị đáp ứng nhu cầu chuyên môn
68	Hệ thống phẫu thuật nội soi sản phụ khoa	Hệ thống						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 hệ thống đáp ứng nhu cầu chuyên môn
69	Máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy phục vụ nhu cầu chuyên môn Đề xuất định mức: 01 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
70	Tủ sấy (các loại)	Cái		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
71	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
72	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		6		1		5	6	Giữ nguyên định mức
73	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
74	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2		1		2	3	TT đề nghị bổ sung định mức thành 03 cái
75	Máy hấp tiệt trùng	Chiếc		1		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
76	Máy rửa dụng cụ (các loại)	Máy						5	5	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm điều chỉnh định mức 05 máy trong đó 03 máy rửa dụng cụ nội soi và 02 máy rửa dụng cụ kim loại
77	Máy cắt đốt	Máy						1	1	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 01 máy đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm
78	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức năm 2021
79	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		12				20	20	Trung tâm bổ sung định mức: Nội: 04; Ngoại sản: 10; KKB: 02; RHM-TMH: 02; Nhi: 02
80	Bộ dụng cụ phẫu thuật (các loại)	Bộ		15		5		10	15	Giữ nguyên định mức năm 2021
81	Bộ dụng cụ phẫu xương (các loại)	Bộ						3	3	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 03 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm.
82	Bộ dụng cụ tháo nẹp vít	Bộ						2	2	Hiện tại trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bộ đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn tại Trung tâm.

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
83	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ				10		5	15	Hiện tại Trung tâm có 10 bộ nhưng đã hỏng nhiều dụng cụ riêng và thay thế các dụng cụ lẻ, không đồng nhất dẫn đến không đảm bảo chuyên môn khi thực hiện phẫu thuật. Trung tâm cần bổ sung 05 bộ để đảm bảo phục vụ chuyên môn
84	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức năm 2021
85	Bàn khám đa năng	Cái						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 bàn phục vụ hoạt động chuyên môn theo kế hoạch phát triển của Trung tâm
86	Máy khử khuẩn không khí	Máy						10	10	Hiện tại trung tâm chưa có. Trung tâm điều chỉnh số lượng định mức là 10 máy trong đó: 02 phòng mổ: 02 máy 01 phòng đẻ: 01 máy; Nội TN 02 phòng hồi sức: 02 máy; Nhi 01 phòng đơn nguyên sơ sinh và 01 phòng hồi sức: 02; Ngoại 02 phòng hồi sức: 02; khoa LCK 01 phòng hồi sức: 01 <u>Tổng định mức: 10 máy</u>
87	Máy đo huyết áp tự động	Máy						10	10	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 10 máy phục vụ công tác Khám bệnh
88	Máy đo chức năng hô hấp	Máy						2	2	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm cần trang bị 02 máy phục vụ công tác Khám bệnh OCPD tại Trung tâm.
89	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Hiện tại Trung tâm chưa có; Trung tâm bổ sung định mức 01 máy để hỗ trợ phát hiện bệnh nhân lao sớm
90	Máy làm ấm dịch truyền	Máy						25	25	Hiện tại trung tâm có 01 máy. Trung tâm bổ sung định mức 25 máy giai đoạn 2026-2030 phục vụ 25 giường bệnh hồi sức, bệnh nhân nặng, giường sau phẫu thuật sử dụng máy truyền dịch
91	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
92	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 hệ thống
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ TIỀN LÃNG (19 TYT + 03 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.					6	6	Trung tâm bổ sung định mức cho 06 trạm chính

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.					6	6	Trung tâm bổ sung định mức cho 06 trạm chính
3	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	11				11	11	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		21				21	21	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		21				21	21	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy				21		21	21	Trung tâm đã trang bị cho 21 máy cho các trạm y tế trên địa bàn để phục vụ công tác phòng chống dịch - Đề xuất định mức: 21 máy
4	Máy hút dịch	Máy				6		13	19	Trung tâm bổ sung định mức cho 19 điểm trạm phục vụ cấp cứu
5	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Cái						6	6	Trung tâm bổ sung định mức cho 06 trạm chính
XVI. TRUNG TÂM Y TẾ ĐỒ SƠN										TTYT hạng III (95 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X-quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1		1	600-700/ca chụp /tháng	1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
b)	Máy Xquang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo			0	50-100 ca/tháng	1	1	Quyết định 3504/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 về tăng giường kế hoạch từ 60 lên 95 giường và tăng thêm 39 danh mục kỹ thuật mới. Xin phê duyệt định mức 01 hệ thống phục vụ nhu cầu khám và điều trị của người bệnh.

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	10				10	10	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	10				10	10	Giữ nguyên định mức
11	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy phá rung tim	Máy	+ 01 bộ / bàn mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Bàn mổ	Cái	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
16	Máy điện tim	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
17	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy			0		1	1	Xin phê duyệt định mức 01 máy phục vụ nhu cầu khám và điều trị của người bệnh theo Quyết định 3504/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 về tăng giường kế hoạch từ 60 lên 95 giường. Và tăng thêm 39 danh mục kỹ thuật mới.
18	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, tá tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 hệ thống
d)	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser	1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
20	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị xét nghiệm									
1	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy li tâm	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
7	Máy lắc	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
9	Kính hiển vi	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
Thiết bị thăm dò chức năng										
10	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Máy đo khúc xạ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Bộ bàn ghế khám mắt	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Đèn soi đáy mắt	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
14	Máy sinh hiển vi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức cấp cứu									
15	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		2		2		4	6	Quyết định 3504/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 về tăng giường kê hoạch từ 60 lên 95 giường, số giường hồi sức cấp cứu đề nghị phê duyệt là 6 chiếc
16	Bồn rửa tay vô trùng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
17	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa sản									
18	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
19	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Máy áp lạnh Nitơ	Máy						1	1	Đề nghị bổ sung định mức 01 máy
	Thiết bị y học cổ truyền- vật lý trị liệu-phục hồi chức năng									
20	Máy điện trị liệu	Máy		2		1		3	4	Đề nghị bổ sung định mức thành 04 máy
21	Máy laser châm	Máy		1				2	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 máy
22	Máy laser nội mạch	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
23	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		1				1	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 máy
24	Máy sắc thuốc	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Bộ dụng cụ tập vật lý trị liệu- phục hồi chức năng	Bộ		1				2	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 bộ
26	Thiết bị tập đa năng	Bộ		1				2	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 bộ
27	Máy siêu âm điều trị	Máy		2		1		3	4	Đề nghị bổ sung định mức thành 04 máy
28	Máy xoa bóp bằng áp lực hơi	Máy		2		1		3	4	Đề nghị bổ sung định mức thành 04 máy
29	Máy châm cứu không kim bằng laser	Máy		1				2	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 máy
30	Cầu thang tập đi	Cái		2				3	3	Đề nghị bổ sung định mức thành 03 cái
31	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Cái		1				3	3	Đề nghị bổ sung định mức thành 03 cái
32	Thang song song tập đi	Cái		1				2	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 cái
33	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy		1		1		1	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 máy
34	Máy trị liệu thấp tần 2 kênh	Máy		1		1		1	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 máy
35	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1		1		2	3	Đề nghị bổ sung định mức thành 03 máy
36	Giường tập phục hồi chức năng	Hệ thống		1		1		1	2	Đề nghị bổ sung định mức thành 02 hệ thống
37	Máy điện xung	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
38	Tủ sấy parafin	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
39	Máy điều trị từ trường	Máy						2	2	Đề nghị bổ sung định mức 02 máy
40	Máy nén ép điều trị	Máy						2	2	Đề nghị bổ sung định mức 02 máy
	Thiết bị răng hàm mặt									
41	Ghế nha khoa	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
42	Máy chụp X-quang răng toàn cảnh	Máy						1	1	Đề nghị bổ sung định mức 01 máy
43	Máy điều trị tủy răng định vị chóp	Máy				1			1	Đề nghị bổ sung định mức 01 máy
	Thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn									
44	Tủ sấy (các loại)	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
45	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
46	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
47	Máy tiệt khuẩn dụng cụ bằng plasma và tia UV	Máy						1	1	Đề nghị bổ sung định mức 01 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
48	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
49	Bơm định liều thuốc Methadone	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
50	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
51	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 hệ thống
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG TẠI TRẠM Y TẾ ĐỒ SƠN (06 TYT)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		6				6	6	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		6				6	6	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy						6	6	Đề xuất định mức: 06 máy
XVII. TRUNG TÂM Y TẾ DƯƠNG KINH										TTYT hạng III (70 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở; Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	2		2			2	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
5	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1		1	? Tần suất sử dụng	2	3	Đơn vị có 01 giường hồi sức sau phẫu thuật và 02 giường cấp cứu. Đề xuất định mức 03 máy
6	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1			? Tần suất sử dụng	2	2	Đề xuất định mức: 02 máy Giải trình:
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	3		3	? Tần suất sử dụng	9	12	Đề xuất định mức: 12 máy Giải trình:
8	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	5		2	? Tần suất sử dụng	11	13	Đề xuất định mức: 13 cái Giải trình:
9	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	5				5	5	Giữ nguyên định mức
10	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1		1		1	2	Đơn vị có 02 phòng mổ, đề nghị bổ sung định mức thành 02 cái
11	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1			? Tần suất sử dụng	4	4	Đề xuất định mức: 04 máy Giải trình:
12	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	1				2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
13	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2				3	3	Đề xuất định mức 03 bộ
14	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
15	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2		2	? Tần suất sử dụng	1	3	Đề xuất định mức: 03 máy Giải trình:
16	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1			1	Giữ nguyên định mức
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chuẩn đoán hình ảnh										
1	Máy chụp X-quang tăng sáng	Máy		1		1			1	Giữ nguyên định mức
2	Máy rửa phim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy X-quang răng	Máy		2		1			1	Đề xuất định mức 01 máy (giảm 01 máy)
4	Máy chụp X quang răng toàn cảnh	Máy						1	1	Đề xuất định mức 01 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
5	Áo chì, yếm chì	Bộ				1		3	4	Đề xuất định mức: 04 bộ
6	Hệ thống xử lý hình ảnh DR	Hệ thống						1	1	Đề xuất bổ sung định mức 01 hệ thống để triển khai bệnh án điện tử
	Thiết bị xét nghiệm									
7	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 máy
8	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		3		3		0	3	Giữ nguyên định mức
9	Máy li tâm	Máy		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
10	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Tủ lạnh lưu trữ máu	cái				1		0	1	Đề xuất định mức: 01 cái
12	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái				4		0	4	Đề xuất định mức: 04 cái
13	Máy xét nghiệm đông máu	Máy				0		1	1	Đề xuất định mức 01 máy
14	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy				0		1	1	Đề xuất định mức 01 máy
15	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy				0		1	1	Đề xuất định mức 01 máy
	Thiết bị chuyên khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng									
16	Máy điện phân	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
17	Máy nhiệt điều trị	Máy		0				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
18	Máy laser điều trị	Máy		0				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
19	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		0				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
20	Giường phục hồi chức năng	Chiếc		0				1	1	Đề xuất định mức 01 chiếc
21	Tủ sấy parafin	Chiếc		0				1	1	Đề xuất định mức 01 chiếc
22	Máy trị liệu đa năng	Máy		0				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
23	Máy sắc thuốc	Máy		0				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
	Thiết bị thần dò chức năng									
24	Máy nghe tim thai	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Máy đo chiều dài ống tủy	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
26	Máy đo thính lực	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
27	Máy sinh hiển vi	Máy		1		1			1	Giữ nguyên định mức
28	Máy đo khúc xạ	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
29	Máy đo nhãn áp	Máy		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
30	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
31	Máy siêu âm điều trị	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
32	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
33	Máy điện cơ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
34	Đèn soi ối	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Đèn soi đáy mắt	Cái		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
36	Máy đo thị trường	Máy		0				1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
37	Máy hút dịch	Máy		10		1		9	10	Giữ nguyên định mức
38	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
39	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
40	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
41	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
42	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		3		2		4	6	Đề xuất định mức 06 chiếc
43	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1			1	Giữ nguyên định mức
44	Máy tạo oxy	Máy		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
45	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		5				6	6	Đề xuất định mức 06 chiếc
46	Cảng có xe đẩy	Chiếc		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
47	Máy điện xung	Máy		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức
48	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
49	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
50	Khung quay khớp vai	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
51	Thanh song song tập đi	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
52	Xe đạp phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
53	Máy châm cứu không dùng kim	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
54	Máy tập thụ động chi dưới	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
55	Máy tập thụ động chi trên	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
56	Hệ thống giàn treo phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
57	Máy vi sóng dạng xung	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
58	Ghế nha khoa	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
59	Máy lấy cao răng	Máy		3				5	5	Đề xuất định mức: 05 máy
60	Ghế khám tai mũi họng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
61	Tủ sấy (các loại)	Cái		2		1		4	5	Đề xuất định mức: 05 cái
62	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
63	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
64	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		2		2		3	5	Đề xuất định mức: 05 chiếc
65	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
66	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG TẠI TRẠM Y TẾ DƯỠNG KINH (06 TYT)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1				5	6	Đề xuất định mức: 06 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		6				6	6	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		6				6	6	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy						6	6	Đề xuất định mức: 06 máy
XVIII. TRUNG TÂM Y TẾ HẢI AN										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Siêu âm									
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	6		1		5	6	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
4	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2				5	5	Đề xuất định mức: 05 máy
5	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	17		1		16	17	Giữ nguyên định mức
7	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	17		1		16	17	Giữ nguyên định mức
8	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	17				17	17	Giữ nguyên định mức
9	Dao mổ									
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.					1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
10	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
12	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	3				3	3	Giữ nguyên định mức
13	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy					1	1	Giữ nguyên định mức
16	Hệ thống khám nội soi									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy chụp X quang thường	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống xử lý hình ảnh CR	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Áo chì, yếm chì	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
4	Máy chụp X-quang răng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy chụp X-quang răng toàn cảnh	máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
6	Máy siêu âm điều trị	Máy		1				3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
7	Máy siêu âm xách tay	Máy				1		1	2	Giữ nguyên định mức
8	Máy điện tim xách tay	Máy						1	1	Giữ nguyên định mức
9	Thiết bị soi ối	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
	Thiết bị xét nghiệm									
10	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy li tâm	Máy		2		1		2	3	Giữ nguyên định mức
12	Máy xét nghiệm đông máu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Máy xét nghiệm khí máu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
16	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy hấp tiệt trùng	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
19	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
20	Tủ âm	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
21	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
22	Máy sấy lam kính	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
23	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
24	Kính hiển vi huỳnh quang	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
	Thiết bị thăm dò chức năng									
25	Máy đo chức năng hô hấp	Máy						1	1	Giữ nguyên định mức
26	Máy đo độ loãng xương	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu.									
27	Bàn hồi sức sơ sinh	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
28	Bộ dụng cụ mô chấn thương	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
30	Bộ dụng cụ tiêu phẫu	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
31	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		1				2	2	Đề xuất định mức 02 bộ
32	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
33	Cảng có xe đẩy	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
34	Máy hút dịch	Máy		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
35	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
36	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		7				7	7	Giữ nguyên định mức
37	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
38	Bàn kéo nắn bó bột	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
39	Đèn mô 4 bóng	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
40	Bộ vali hô hấp xách tay	Bộ						1	1	Đề xuất định mức: 01 bộ
	Thiết bị chuyên khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng									
41	Máy sắc thuốc	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
42	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
43	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
44	Bàn kéo nắn	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
45	Máy điện xung	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
46	Máy điện châm đa năng	Chiếc						10	10	Đề xuất định mức: 10 chiếc
47	Máy sóng ngắn điều trị	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
48	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
49	Máy siêu âm điều trị	Máy						1	1	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 01 máy
50	Cầu thang tập đi	Cái						1	1	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 01 máy
51	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Cái						1	2	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 02 máy
52	Máy laser nội mạch	Máy						1	1	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 01 máy
53	Bộ dụng cụ tập vật lý trị liệu- phục hồi chức năng	Bộ						1	2	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 02 máy
54	Máy xoa bóp bằng áp lực hơi	Máy						1	2	Đã cử Bs đi học PHCN để thực hiện DVKT Đề xuất định mức: 02 máy
	Thiết bị chuyên khoa sản									
	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Đèn chiếu vàng da	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Bàn khám phụ khoa	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Bàn đẻ	Chiếc		2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
	Lồng ấp sơ sinh	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
	Giường sưởi ấm sơ sinh	chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
	Hệ thống tắm sơ sinh	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
	Thiết bị chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt									
57	Ghế nha khoa	Chiếc		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
58	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
59	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ						1	1	Đề xuất định mức: 01 bộ
66	Máy điều trị tủy răng định vị chóp	Máy						2	2	Đã có Bs CKII đi học về triển khai DVKT Đề xuất định mức: 02 máy
	Thiết bị chuyên khoa Mắt									
60	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
61	Máy đo khúc xạ	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
62	Máy sinh hiển vi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
63	Kính soi đáy mắt	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
64	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
65	Đèn quang trùng hợp	Chiếc				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
66	Máy đo nhãn áp	Máy						2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
67	Máy rửa dụng cụ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
68	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức
69	Tủ sấy (các loại)	Chiếc		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
70	Bơm định liều thuốc Methadone	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
71	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
72	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
73	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
74	Máy đo thính lực	Máy						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
75	Máy sấy đồ	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
76	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc				2		1	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
77	Tủ hút vô trùng	Chiếc				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
78	Bàn kéo nắn bó bột	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
79	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
80	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
81	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 hệ thống
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ HẢI AN (08 TYT)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy		2				8	8	Đề xuất định mức: 08 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		8				8	8	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		8				8	8	Giữ nguyên định mức
3	Máy điện châm đa năng	Cái						8	8	Đề xuất định mức: 08 cái
4	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	Cái						8	8	Đề xuất định mức: 08 cái
5	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy						8	8	Đề xuất định mức: 08 máy
XIX. TRUNG TÂM Y TẾ HỒNG BÀNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1.	Hệ thống X - Quang									TTYT hạng III (95 giường kế hoạch)

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	4		3	? Tần suất sử dụng	2	5	Đề xuất định mức: 05 máy Giải trình?
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	4		4		0	4	Giữ nguyên định mức
4	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	2		3		4	7	Đề xuất định mức: 07 máy Giải trình?
7	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	4				7	7	Đề xuất định mức: 07 cái
8	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	4				7	7	Định mức tương đương Bơm tiêm điện
9	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
10	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2		1		2	3	Đề xuất định mức 03 bộ
13	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
14	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2		3		1	4	Đề xuất định mức: 04 máy 01 máy/ 95 giường bệnh; 02 máy/ 271 bệnh nhân ngoại trú cơ sở 34 Kỳ Đồng; 01 máy/ 70 bệnh nhân ngoại trú cơ sở PKDK Thương Lý
15	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	2		2			2	Giữ nguyên định mức
16	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị xét nghiệm									
1	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
3	Máy li tâm	Máy		4		4		0	4	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
6	Tủ âm	cái				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
Thiết bị chuyên khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng										
7	Máy sắc thuốc	Máy		1		2		0	2	Đề xuất định mức: 02 máy
8	Máy điện phân	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy kéo giãn cột sống	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy siêu âm điều trị	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
11	Máy điện xung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
12	Cầu thang tập đi	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Máy điều trị bằng ion	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Máy sóng ngắn điều trị	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy từ trường điều trị	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy điều trị da nắng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
18	Cáng có xe đẩy	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
19	Thanh song song tập đi	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
20	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
21	Máy tập thụ động chi dưới	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
	Thiết bị các chuyên khoa lẻ									
22	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
23	Ghế nha khoa	Chiếc		4		4		0	4	Giữ nguyên định mức
24	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		2		1		0	1	Đề xuất định mức: 01 máy (giảm 01 máy)
26	Kính hiển vi (các loại)	Cái		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
27	Máy đo khúc xạ	Máy				2		0	2	Đề xuất định mức: 02 máy
28	Máy nghe tim thai	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
29	Bộ dụng cụ phẫu thuật (các loại)	Bộ		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
30	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
31	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
32	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
33	Máy tạo oxy	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
34	Giường hồi sức cấp cứu	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
35	Tủ sấy (các loại)	Cái		3		3		7	10	Đề xuất định mức: 10 cái
36	Máy đốt điện	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
37	Máy hút dịch	Máy		3		3		1	4	Đề xuất định mức: 04 máy
38	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
39	Bơm định liều thuốc Methadone	Chiếc		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
40	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
41	Máy siêu âm xách tay	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
42	Buồng đệm thở oxy	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
43	Nồi hấp	Chiếc				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
44	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
45	Máy Holter huyết áp các loại	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
46	Máy Holter điện tim các loại	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
47	Kính Volk	cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
48	Bàn khám sản phụ khoa	cái				1		0	1	Đề xuất định mức: 01 cái
49	Bàn đẻ	cái				1		0	1	Đề xuất định mức: 01 cái
50	Máy khám thính lực	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
51	Buồng điều trị oxy cao áp	Buồng						1	1	Đề xuất định mức: 01 buồng
52	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
53	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
54	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 máy
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ HỒNG BÀNG (10 TYT + 02 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1				13	13	Đề xuất định mức: 13 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		9				13	13	Đề xuất định mức: 13 cái
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		9				13	13	Đề xuất định mức: 13 cái
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy						13	13	Đề xuất định mức: 13 máy
4	Máy hút dịch	Máy						13	13	Đề xuất định mức: 13 máy
5	Máy ly tâm	Máy						13	13	Đề xuất định mức: 13 máy
6	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy						13	13	Đề xuất định mức: 13 máy
XX. TRUNG TÂM Y TẾ KIẾN AN										TTYT hạng III (80 giường kế hoạch)
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		1	1000 ca/ tháng	1	2	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	3		2	800 ca/tháng	1	3	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	2		1	240 test/giờ	1	2	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	6		3		3	6	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
8	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	10				10	10	Giữ nguyên định mức
9	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	10				10	10	Giữ nguyên định mức
10	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
11	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
16	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
Thiết bị chẩn đoán hình ảnh										
1	Tâm chẩn chỉ di động	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy chụp X quang thường	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy chụp X quang răng	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
Thiết bị xét nghiệm										
4	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy li tâm	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy lắc	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức
9	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		3		3		0	3	Giữ nguyên định mức
11	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
12	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
13	Máy đo huyết áp tự động	Máy		5				5	5	Giữ nguyên định mức
14	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy đo độ loãng xương	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
16	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức
17	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chấn thương chỉnh hình - phục hồi chức năng									
18	Bàn kéo nắn chỉnh hình	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
19	Bàn bó bột kéo xương	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
21	Dụng cụ phòng tập phục hồi chức năng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
22	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
23	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
24	Máy laser châm cứu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
25	Máy điện trị liệu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
26	Máy điện xung	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
27	Máy kéo giãn cột sống	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
28	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Máy laser nội mạch	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
30	Máy siêu âm điều trị	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
31	Máy sóng ngắn trị liệu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
32	Máy kích thích điện thấp tần 2 kênh	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
33	Máy xoa bóp bằng khí nén	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
34	Thang tường phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Giàn tập phục hồi chức năng đa năng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa răng hàm mặt									
36	Ghế nha khoa	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
37	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị sản phụ khoa									
38	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Cái		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
39	Máy nghe tim thai	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
40	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị nhãn khoa									
41	Máy sinh hiển vi	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
42	Máy đo khúc xạ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị chuyên khoa khác									
43	Bồn rửa tay vô trùng	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
44	Cảng có xe đẩy	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
45	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		7				7	7	Giữ nguyên định mức
46	Máy hút dịch	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
47	Máy khử khuẩn không khí	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
48	Máy lọc không khí	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
49	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		6		2		4	6	Giữ nguyên định mức
50	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
51	Máy sắc thuốc	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
52	Máy tạo oxy	Máy		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
53	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc		6		3		3	6	Giữ nguyên định mức
54	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
55	Tủ sấy (các loại)	Cái		6		4		2	6	Giữ nguyên định mức
56	Xe đẩy y dụng cụ đa năng	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
57	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Trung tâm đề xuất định mức: 01 hệ thống
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG TẠI TRẠM Y TẾ KIẾN AN (07 TYT + 03 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		10				10	10	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy						10	10	Đề xuất định mức: 10 máy
XXI. TRUNG TÂM Y TẾ LÊ CHÂN										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - Quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	3		1		2	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	1		1		1	2	Trang bị cho 2 cơ sở, đề xuất định mức 02 hệ thống
6	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
7	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	6				6	6	Giữ nguyên định mức
9	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	5				5	5	Giữ nguyên định mức
10	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	5				5	5	Giữ nguyên định mức
11	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
13	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
15	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	6		4		2	6	Giữ nguyên định mức
17	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	2				2	2	Giữ nguyên định mức
18	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
b)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo <u>+ 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.</u>	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
19	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
20	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy chụp X-quang răng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Áo chì, yếm chì	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
3	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
4	Máy li tâm	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
6	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		4		3		1	4	Giữ nguyên định mức
7	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
8	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
9	Tủ âm	Chiếc		2				6	6	Đề xuất định mức: 06 chiếc
10	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
11	Máy xét nghiệm điện giải	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị thăm dò chức năng									
12	Bàn kéo nắn chỉnh hình	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
14	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
16	Máy đo độ loãng xương	Máy		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
17	Máy đo lưu huyết não	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy sinh hiển vi (các loại)	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									
19	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		4				4	4	Giữ nguyên định mức
20	Máy cắt Amidan	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
21	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức
22	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		2		2		3	5	Đề xuất định mức: 05 bộ
23	Bộ khâu tiểu phẫu mắt	Bộ		2		2		2	4	Đề xuất định mức 04 bộ
24	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
25	Máy nghe tim thai	Máy		6		1		5	6	Giữ nguyên định mức
26	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
27	Máy hút dịch	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
28	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy		2		2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
	Thiết bị chuyên khoa khác									
29	Bàn đẻ	Chiếc		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
30	Bàn hồi sức sơ sinh	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
31	Bàn làm bột bó xương	Chiếc		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
32	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ		2		3		0	3	Đề xuất định mức 03 bộ
33	Ghế nha khoa	Chiếc		8		5		3	8	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
34	Cầu thang tập phục hồi chức năng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
35	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
36	Máy đốt cổ tử cung	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
37	Máy điện xung	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
38	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
39	Máy đo khúc xạ	Máy		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
40	Máy kéo dân cột sống	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
41	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
42	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức
43	Máy rửa dụng cụ	Máy		3				3	3	Giữ nguyên định mức
44	Máy sắc thuốc	Máy		1		1		1	1	Giữ nguyên định mức
45	Tủ sấy (các loại)	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
46	Máy siêu âm điều trị	Máy		2		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 máy
47	Máy vật lý trị liệu đa năng	Máy		4				4	4	Giữ nguyên định mức
48	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		5				5	5	Giữ nguyên định mức
49	Đèn soi ối	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
50	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức
51	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2		2		2	4	Đề xuất định mức: 04 cái
52	Máy chụp X quang răng toàn cảnh	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
53	Máy ly tâm	Máy				2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
54	Đèn quang trùng hợp	Máy				1		2	3	Đề xuất định mức: 03 máy
55	Máy sinh hiển vi khám mắt	Máy				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
56	Máy xét nghiệm đông máu	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
57	Máy xét nghiệm khí máu	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
58	Máy đo chiều dài ống tủy	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
59	Kính Volk	Chiếc						1	1	Đề xuất định mức: 01 chiếc
60	Máy đo nhãn áp	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
61	Thiết bị thử nghiệm khả năng chịu sóng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
62	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn (Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động 2 module (máy Gene Xpert))	Máy						1	1	Hiện Trung tâm chưa có máy, Trung tâm đề xuất 01 máy để thực hiện xét nghiệm sàng lọc phát hiện cho bệnh nhân bệnh lao Định mức Trung tâm đề xuất: 01 máy.
63	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động	Máy						1	1	Hiện Trung tâm chưa có máy đọc phim, Trung tâm đề xuất 01 máy đọc phim để chụp rà soát sàng lọc cho bệnh nhân trong khi khám sức khỏe tại các đơn vị, khám theo chương trình thiện nguyện. Định mức Trung tâm đề xuất: 01 máy.
64	Máy X-Quang kỹ thuật số xách tay và phần mềm trí tuệ nhân tạo	Hệ thống						1	1	Hiện Trung tâm chưa có máy chụp, Trung tâm đề xuất 01 máy để chụp rà soát sàng lọc cho bệnh nhân trong khi khám sức khỏe tại các đơn vị, khám theo chương trình thiện nguyện có số lượng người khám ít. Định mức Trung tâm đề xuất: 01 hệ thống.
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ LỄ CHÂN (07 TYT + 08 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	4				4	4	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		15				15	15	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		15				15	15	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
3	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy						15	15	Đề xuất định mức: 15 máy
XXII. TRUNG TÂM Y TẾ QUẦN DẪN Y BẠCH LONG VĨ										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở; Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị; bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
7	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
8	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	2				2	2	Giữ nguyên định mức
9	Dao mổ									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Dao mổ điện cao tần	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ. + Dự phòng 01 cái/06 dao mổ điện.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
b)	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	+ Tối đa 01 cái/bàn mổ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mổ	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
12	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
14	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	1				1	1	Giữ nguyên định mức
16	Hệ thống khám nội soi									
a)	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
b)	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	1				1	1	Giữ nguyên định mức
c)	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh									
1	Máy in phim	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Hệ thống xử lý hình ảnh kỹ thuật số	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị xét nghiệm									
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy li tâm	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
6	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
7	Giường hồi sức cấp cứu	Chiếc		5		5		0	5	Giữ nguyên định mức
8	Máy đo chức năng hô hấp	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
9	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
10	Máy hút dịch	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
11	Cảng cổ xe đẩy	Chiếc		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
12	Buồng điều trị oxy cao áp	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
14	Máy theo dõi độ sâu gây mê	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Giường bệnh có điều chỉnh tư thế	Chiếc		5				5	5	Giữ nguyên định mức
16	Máy đốt điện	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
17	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ		2		2		3	5	Đề xuất định mức: 05 bộ (dùng trong phẫu thuật ổ bụng/ sản khoa/ phụ khoa...)
18	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
19	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
23	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản, phụ khoa	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
24	Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
25	Bộ dụng cụ mở khí quản (các loại)	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị sản nhi									
27	Máy đốt cổ tử cung	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
28	Máy nghe tim thai	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Máy tháo lồng ruột	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
	Thiết bị khác									
30	Máy cắt Amidan	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
31	Ghế nha khoa	Chiếc		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
32	Máy lấy cao răng siêu âm	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
33	Giường tập phục hồi chức năng	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
34	Máy điện xung	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
36	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
37	Nồi hấp tiết trùng	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
38	Tủ âm	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức
39	Tủ trữ máu	Chiếc		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
40	Tủ sấy (các loại)	Chiếc		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
41	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
42	Máy điện châm	Chiếc				2		0	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
XXIII. TRUNG TÂM Y TẾ NGŨ QUYỀN										TTYT hạng III
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị; tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Máy li tâm	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy đốt cổ tử cung	Máy		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 máy
5	Bơm định liều thuốc Methadone	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
6	Kính hiển vi	Cái		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
7	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		5		0	5	Giữ nguyên định mức
8	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		3		6		0	6	Đề xuất định mức: 06 cái
9	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
10	Tủ sấy (các loại)	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2		3		0	3	Đề xuất định mức: 03 cái
12	Máy đo PH	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
13	Máy đo clo dư trong nước	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ NGŨ QUYỀN (08 TYT + 02 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	2				12	12	Đề xuất định mức: 12 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		12		9		3	12	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		12				12	12	Giữ nguyên định mức
3	Máy phân tích nước tiểu	Máy				12		0	12	Đề xuất định mức: 12 máy
4	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy						12	12	Đề xuất định mức: 12 máy
5	Máy nghe tim thai	Máy						12	12	Đề xuất định mức: 12 máy
XXIV. TRUNG TÂM Y TẾ THỦY NGUYÊN										TTYT hạng II
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.					1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy sinh hóa các loại	Máy	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.			1		0	1	Đề xuất định mức: 01 máy
4	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		5		0	5	Giữ nguyên định mức
2	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		6		6		0	6	Giữ nguyên định mức
3	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
4	Bơm định liều thuốc Methadone	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
5	Máy đốt cổ tử cung	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
6	Kính hiển vi	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
7	Máy đo PH	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
8	Máy đo clo dư trong nước	Chiếc						2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
9	Máy xét nghiệm huyết học	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
10	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ THỦY NGUYÊN (21 TYT + 16 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	37				37	37	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Tủ sấy (các loại)	Cái		37				37	37	Giữ nguyên định mức
2	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		37				37	37	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy						37	37	Đề xuất định mức: 37 máy
XXV. TRUNG TÂM Y TẾ AN LÃO										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
TTYT hạng II										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy đốt cổ tử cung	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
4	Máy soi cổ tử cung	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
5	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		4		2		2	4	Giữ nguyên định mức
4	Bơm định liều thuốc Methadone	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ AN LÃO (17 TYT)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	13				13	13	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		17				17	17	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		17				17	17	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy						17	17	Đề xuất định mức: 17 máy
4	Tủ bảo quản vắc xin	Cái						17	17	Đề xuất định mức: 17 cái
5	Máy đo PH	Cái						6	6	Đề xuất định mức: 06 cái
6	Máy đo Clo dư	Cái						6	6	Đề xuất định mức: 06 cái
XXVI. TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH BẢO										TTYT hạng II
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy soi cổ tử cung	Máy	01 máy/bàn khám phụ khoa.	1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Tủ bảo quản vắc xin	Cái		3		6		0	6	Đề xuất định mức: 06 cái
2	Máy đốt cổ tử cung	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		5		5		0	5	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
5	Bàn khám phụ khoa	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
6	Bơm tiêm định liều thuốc Methadone	Cái				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ VĨNH BẢO (20 TYT + 10 điểm trạm)										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	23		9		14	23	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		30		30		0	30	Giữ nguyên định mức
2	Tủ sấy (các loại)	Cái		30		2		28	30	Giữ nguyên định mức
3	Máy phun hóa chất khử khuẩn	Máy						30	30	Đề xuất định mức: 30 máy
XXVII. TRUNG TÂM DA LIỀU										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống		1		1		1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống		1		1		1	1	Giữ nguyên định mức
3	Dao mổ điện cao tần	Cái		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
4	Đèn mổ treo trần	Bộ		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
5	Đèn mổ di động	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức
6	Bàn mổ	Cái		2		2		2	2	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
	Thiết bị xét nghiệm									
1	Hệ thống xét nghiệm Elisa	Hệ thống		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
2	Máy li tâm	Máy		3		2		3	3	Giữ nguyên định mức
3	Máy lắc	Máy		2		2		2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		2		2		2	2	Giữ nguyên định mức
5	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Chiếc		5		2		5	5	Giữ nguyên định mức
6	Máy cất nước	Máy		1		1		1	1	Giữ nguyên định mức
7	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		5		3		5	5	Giữ nguyên định mức
8	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		2		2		2	2	Giữ nguyên định mức
9	Tủ ấm	Chiếc		3		1		3	3	Giữ nguyên định mức
10	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái		3		1		3	3	Giữ nguyên định mức
11	Tủ lạnh âm sâu	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
12	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
Thiết bị phẫu thuật, hồi sức, cấp cứu										
13	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ		30					30	Giữ nguyên định mức
14	Bồn rửa tay vô trùng	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
15	Cảng có xe đẩy	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức
Thiết bị chuyên khoa khác										
16	Máy laser YAG (các loại)	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
17	Máy đốt Plasma	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
18	Máy điện di (các loại)	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
19	Máy ánh sáng sinh học	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
20	Máy Quang trị liệu UVA, UVB	Máy		3		1		3	3	Giữ nguyên định mức
21	Máy laser CO2	Máy		3		2		3	3	Giữ nguyên định mức
22	Máy laser CO2 Fractional	Máy		1		1		1	1	Giữ nguyên định mức
23	Máy RF vi điểm	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
24	Máy triệt lông IPL	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
25	Máy laser He-Ne	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
26	Máy chụp, phân tích da	Máy		2		1		2	2	Giữ nguyên định mức
27	Máy soi da	Máy		3		1		3	3	Giữ nguyên định mức
28	Máy laser Diode	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
29	Máy hút khối	Máy		3		3		3	3	Giữ nguyên định mức
30	Máy hút dịch	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
31	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
32	Máy rửa dụng cụ	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
33	Tủ sấy (các loại)	Cái		5		4		5	5	Giữ nguyên định mức
34	Máy Oxyjet	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
35	Máy hấp diệt trùng	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức
36	Hệ thống máy xét nghiệm dị ứng	Hệ thống						1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 hệ thống
37	Máy xét nghiệm đông máu	Cái						1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 cái
38	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Hệ thống						1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 hệ thống
39	Máy chụp phân tích da	Cái						1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 cái
40	Đèn wood cầm tay	Chiếc						5	5	Đề xuất bổ sung định mức: 05 chiếc
41	Máy Mesoderm 2.0	Máy		1				1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 máy
42	Máy Laser màu (Pulsed Dye Laser)	Máy		1				1	1	Đề xuất bổ sung định mức: 01 máy
XXVIII. TRUNG TÂM CẤP CỨU 115 HẢI PHÒNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	7				22	22	Đề xuất định mức: 22 máy

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
2	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mổ. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	7		5		17	22	Đề xuất định mức: 22 máy
3	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mổ. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	10		10		12	22	Đề xuất định mức: 22 máy
4	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	7		5		17	22	Đề xuất định mức: 22 cái
5	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.	10				22	22	Đề xuất định mức: 22 máy
6	Máy phá rung tim	Máy	+ Tối thiểu 01 máy/phòng mổ/hồi sức/cấp cứu/khoa tim mạch/chống độc.	7				22	22	Đề xuất định mức: 22 máy
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Máy hút dịch	Máy		14		4		18	22	Bổ sung định mức thiết bị kèm theo xe Đề xuất định mức: 22 máy
2	Máy hấp tiệt trùng	Máy		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
3	Tủ sấy (các loại)	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
4	Máy phun hóa chất khử trùng	Máy		3		2		1	3	Giữ nguyên định mức
5	Máy tạo oxy	Máy		7		4		3	7	Giữ nguyên định mức
6	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	Máy		10				10	10	Giữ nguyên định mức
7	Cảng có xe đẩy	Cái		17		17			17	Giữ nguyên định mức
8	Valy hồi sức cấp cứu	Bộ		8		8		14	22	Bổ sung định mức thiết bị kèm theo xe Đề xuất định mức: 22 bộ
9	Đèn đặt nội khí quản (các loại)	Chiếc		7		7		15	22	Bổ sung định mức thiết bị kèm theo xe Đề xuất định mức: 22 chiếc
10	Máy rửa khử trùng dụng cụ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
XXIX. TRUNG TÂM PHÁP Y HẢI PHÒNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.		1			1	1	Giữ nguyên định mức của TTKSBT HD
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1				1	1	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
4	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy	1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
6	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
7	Đèn mổ treo trần	Cái	+ 01 bộ / bàn mổ	1				2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Máy điện cơ	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Bàn khám sản khoa	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
3	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2		1			1	Đề xuất định mức 01 cái (giảm 01 cái)
4	Bộ khoan, cưa xương đa năng	Bộ		3		3			3	Giữ nguyên định mức
5	Bộ dụng cụ mổ tử thi	Cái		3		2			2	Đề xuất định mức 02 cái (giảm 01 cái)
6	Kính hiển vi	Cái		1		1			1	Giữ nguyên định mức
7	Tủ + hộp đựng tiêu bản	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
8	Tủ lạnh lưu giữ bệnh phẩm	Cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
9	Tủ lạnh lưu giữ xác	Cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
10	Tủ sấy (các loại)	Cái		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 cái
11	Xe đẩy - băng ca	Cái		2		1			2	Giữ nguyên định mức
12	Máy tách chiết ADN	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
13	Máy realtime PCR	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
14	Máy ly tâm (các loại)	Máy						3	3	Đề xuất định mức: 03 máy
15	Máy lắc	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
16	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
17	Tủ hút khí độc	Cái						3	3	Đề xuất định mức: 03 cái
18	Bể ôn nhiệt	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
19	Bể rửa siêu âm	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
20	Block gia nhiệt	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
21	Máy điện di	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
22	Máy lắc ôn nhiệt	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
23	Thiết bị soi gel	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
24	Bộ pipet các loại	Bộ						3	3	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 03 bộ
25	Cân phân tích điện tử	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
26	Tủ lạnh âm sâu	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
27	Hệ thống lọc nước siêu sạch	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
28	Lò vi sóng	Cái						2	2	Đề xuất định mức: 02 cái
29	Máy đo nồng độ ADN	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
30	Máy giải trình tự gene	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
31	Tủ thao tác PCR	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
32	Máy quang phổ từ ngoại	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
33	Máy sắc ký khí	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
34	Tủ âm	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
35	Bể rửa siêu âm	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
36	Hệ thống sắc ký khối phổ GCMS	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
37	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hệ thống						1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
38	Cân kỹ thuật	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
39	Máy chiết pha (các loại)	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
40	Máy sinh khí ni tơ	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
41	Máy làm khô bằng ni tơ	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
42	Máy chuyên bệnh phẩm	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
43	Máy cắt tiêu bản	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
44	Máy sấy tiêu bản	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
45	Máy cố định tiêu bản	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
46	Máy nhuộm tiêu bản	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
47	Máy đúc mô bệnh phẩm	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
48	Bàn thí nghiệm có Lavior	Cái						9	9	Đề xuất định mức: 09 cái
49	Bể nuôi mô	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
50	Thiết bị hơ tiêu bản	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
51	Máy phun hoá chất khử trùng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
52	Máy rửa dụng cụ	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
53	Máy hấp tiệt trùng	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
54	Đèn cò	Cái				1			1	Đề xuất định mức: 01 cái
55	Bộ dụng cụ khám xâm hại tình dục	Bộ				1		1	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
56	Bàn khám bệnh	Cái				1		1	2	Đề xuất định mức: 02 cái
57	Bộ dụng cụ khám mắt	Bộ				1		1	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
58	Bộ dụng cụ khám tai mũi họng	Bộ				1		1	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
59	Bộ dụng cụ khám răng hàm mặt	Bộ				1		1	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
60	Bộ dụng cụ khám thần kinh	Bộ				1		1	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
61	Bộ dụng cụ khám tổng quát gồm: máy đo huyết áp, nhiệt kế, thước dây, cân nặng có thước đo chiều cao	Bộ						2	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
62	Đèn đọc phim Xquang	Cái				1			1	Đề xuất định mức: 01 cái
63	Máy đo khí độc cầm tay	Máy						1	1	Đề xuất định mức: 01 máy
64	Bộ dụng cụ giám định hài cốt	Bộ						1	1	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 bộ
65	Bàn để dụng cụ khám bệnh	Cái						1	1	Đề xuất định mức: 01 cái
XXX. TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA HẢI PHÒNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy điện tim	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Bộ phim mẫu bệnh bụi phổi	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
2	Máy xét nghiệm máu lắng	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
3	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
4	Máy xét nghiệm huyết học	Máy		1				1	1	Giữ nguyên định mức
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức
XXXI. TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HẢI PHÒNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
1	Hệ thống X - quang									

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
a)	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/ cơ sở: tối đa 1 máy/cơ sở. + Nhu cầu từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/ đơn vị: tối đa 02 máy/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	1	1	1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở Đề xuất định mức 02 máy
b)	Máy X quang di động	Máy	+ Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 1 máy/200 giường nội trú	1	1	2		0	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở Đề xuất định mức 02 máy
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	+ Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.					1	1	Đề xuất định mức: 01 hệ thống
4	Siêu âm							0		
a)	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + 01 máy/Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.					1	1	Đề xuất định mức 01 máy
b)	Máy siêu âm tổng quát	Máy	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/ tháng/ cơ sở: Tối đa 01 máy/đơn vị. + Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. + Ngoài ra, mỗi đơn vị / can thiệp được sử dụng Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	1	3	4	> 2.500 ca/tháng	0	4	Giữ nguyên định mức để trang bị cho 02 cơ sở: 04 máy (Thực hiện cho các hoạt động khám bệnh tại phòng khám sản phụ khoa; Khám tuyến giáp và sàng lọc tại cộng đồng; Khám sức khỏe định kỳ, Bệnh nghề nghiệp).
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	+ Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ. + Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	3	5	5	khoảng 1800 test/giờ	1	6	Đề xuất định mức để trang bị cho 02 cơ sở: 06 hệ thống Giải trình: Xét nghiệm các chỉ số sinh hóa phục vụ khám bệnh nghề nghiệp, Sức khỏe sinh sản, phòng khám đa khoa, bệnh không lây nhiễm, dinh dưỡng...

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	+ Dưới 100 test/ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ. + 100 - 300 test/ ngày/cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. + Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ngày/đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/giờ	2	3	0		3	3	Đề xuất định mức trang bị cho 02 cơ sở: 03 hệ thống Giải trình: Xét nghiệm các chỉ số miễn dịch phục vụ phòng vi sinh gây bệnh, sinh học phân tử, khám bệnh nghề nghiệp, Sức khỏe sinh sản.
7	Bơm tiêm điện	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/bàn mô. + Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh. + Tối đa 05 cái giường hồi sức/ cấp cứu. + 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng. + Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.					2	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức 02 cái
8	Máy truyền dịch	Máy	+ Tương đương số lượng Bơm tiêm điện.					2	2	Đề xuất định mức: 02 máy
9	Máy thở	Máy	+ Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật/hồi sức tích cực/cấp cứu. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
10	Máy gây mê	Máy	+ 01 máy/bàn mô. + Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	+ 01 máy/bàn mô. + 01 máy/giường hồi tỉnh /hồi sức/cấp cứu. + 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
12	Đèn mổ treo trần	Bộ	+ 01 bộ / bàn mô	1				1	1	Giữ nguyên định mức
13	Đèn mổ di động	Bộ	+ Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu/ khoa hồi sức/ khoa cấp cứu.	1				1	1	Giữ nguyên định mức
14	Bàn mổ	Cái	+ Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	1				1	1	Giữ nguyên định mức
15	Máy điện tim	Máy	+ 01 máy/100 giường điều trị. + 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	1	2	2		1	3	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức 03 máy
16	Máy điện não	Máy	Các đơn vị có kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy		1			2	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 máy, để khám thăm dò chức năng, phục vụ khám sức khỏe cho người lao động, lái xe...
17	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	+ Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. + Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/cơ sở. + Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo + 01 hệ thống/bàn khám Tai Mũi Họng.	1	1			2	2	Trang bị cho 02 cơ sở, đề xuất định mức: 02 hệ thống
18	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	01 máy/bàn khám phụ khoa.	2	3	3		2	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
19	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	+ 01 máy/bàn đẻ. + 01 máy/giường theo dõi sản khoa.		2	1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Tủ âm sâu	Chiếc		15	8	12		11	23	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
2	Tủ bảo ôn 2-80C	Chiếc		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
3	Tủ âm	Chiếc		26	8	15		19	34	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
4	Tủ âm CO2	Chiếc		2	1	3		1	4	Đề xuất định mức: 04 chiếc (tăng: 01 chiếc do tăng lượng mẫu)
5	Tủ âm lạnh	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
6	Tủ sấy (các loại)	Chiếc		15	8	11		12	23	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
7	Máy đếm khuẩn lạc	Chiếc		4	2	2		4	6	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
8	Cân kỹ thuật	Chiếc		10	2	5		7	12	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
9	Bộ lọc hút chân không	Bộ		13	2	6		12	18	Đề xuất định mức: 18 chiếc (tăng: 03 chiếc do tăng lượng mẫu)
10	Máy đồng nhất mẫu	Chiếc		5	2	3		4	7	
11	Tủ an toàn sinh học (các loại)	Chiếc		10	5	11		4	15	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
12	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Chiếc		25	16	23		18	41	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
13	Máy rửa siêu âm	Chiếc		6	1	2		5	7	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
14	Máy cất nước các loại	Chiếc		6	4	3		7	10	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
15	Máy lọc nước khử ion	Chiếc		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
16	Máy hấp diệt trùng	Chiếc		8	5	6		7	13	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
17	Kính hiển vi (các loại)	Chiếc		31	9	28		12	40	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
18	Máy trộn Vortex	Chiếc		15		2		13	15	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
19	Máy đo pH	Chiếc		11	4	6		9	15	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
20	Hệ thống xét nghiệm Elisa	Hệ thống		3	3	4		2	6	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
21	Hệ thống PCR	Hệ thống		1	7	2		6	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
22	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Hệ thống		5	3	7		1	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
23	Tủ thao tác PCR	Chiếc		10	2	4		8	12	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
24	Máy điện di	Chiếc		1	2	3		0	3	Giữ nguyên định mức
25	Máy đọc gel	Chiếc		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
26	Máy làm đá vảy	Chiếc		1	1	2		0	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
27	Máy quang phổ kế	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
28	Máy ly tâm các loại	Chiếc		22	8	14		16	30	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
29	Thiết bị xử lý sự cố khẩn cấp	Chiếc		10		2		8	10	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
31	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc		6	4	4		6	10	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
32	Máy nghiền mẫu	Chiếc		6		1		5	6	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
33	Máy ủ và đọc kết quả chỉ thị sinh học dùng trong tiết khuẩn dung cụ	Chiếc		3				3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
34	Máy xét nghiệm Hemoglobin	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc (tăng: 01 chiếc do tăng lượng mẫu)
35	Máy lắc trộn	Chiếc		10	3	3		10	13	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
36	Pipetman 8 kênh	Bộ		8		3		5	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
37	Máy spindown	Chiếc		5		3		2	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
38	Máy ủ nhiệt khô	Chiếc		5		2		3	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
39	Máy ủ nhiệt ướt	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
40	Thiết bị chưng cất đậm	Chiếc		3	2	3		2	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
41	Máy phá mẫu đậm	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
42	Cân phân tích	Chiếc		5	4	4		5	9	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
43	Hệ thống sắc ký khí	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
44	Lò vi sóng phá mẫu kim loại	Chiếc		1	1	1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc (tăng: 01 chiếc do tăng lượng mẫu)
45	Quang phổ kế phân tử UV-VIS (Quang phổ tử ngoại khả kiến)	Chiếc		3	2	2		3	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
46	Máy chiết béo	Chiếc		4	1	2		3	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
47	Thiết bị hút hơi khí độc	Chiếc		7		3		4	7	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
48	Thiết bị cắt quay chân không	Chiếc		5		1		4	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
49	Bộ cắt cùn	Bộ		3				3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
50	Máy lọc khí và hơi	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
51	Máy đo độ ẩm ngũ cốc	Chiếc		1	1	2		0	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
52	Bộ thiết bị lấy mẫu không khí	Chiếc		20	21	4		37	41	Giữ nguyên định mức
53	Máy đo độ nhớt	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
54	Máy đo độ cùn	Chiếc		1	1	2		1	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
55	Tỷ trọng kế các cỡ	Bộ		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
56	Máy đo độ đục	Chiếc		3	2	3		2	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
57	Máy đo oxy hoà tan	Chiếc		3		1		2	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
58	Máy đo nhu cầu oxy hoá sinh BOD	Chiếc		2	1	1		2	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
59	Máy đo nhu cầu oxy hoá sinh COD	Chiếc		2	1	1		2	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
60	Máy phân tích nước tự động (Máy đo nhanh các chỉ tiêu nước)	Chiếc		1	6	2		6	8	Đề xuất định mức: 08 chiếc
61	Máy đo Clo dư trong nước	Chiếc		4	2	2		4	6	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
62	Lò nung	Chiếc		3	1	2		2	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
63	Tủ an toàn hoá chất	Chiếc		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc cho 02 cơ sở do tăng lượng mẫu
64	Bộ chiết mẫu pha rắn tự động	Bộ		2		1		2	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc (tăng 01 chiếc do tăng lượng mẫu)
65	Quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Chiếc		2	2	2		2	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
66	Sắc ký lỏng cao áp (HPLC)	Chiếc		2		2		0	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
67	Hệ thống sắc ký lỏng 2 lần khối phổ (LC-MS/MS)	Hệ thống		1	2			2	2	Đề xuất định mức 02 máy (giảm 01 hệ thống)
68	Hệ thống sắc ký lỏng ion	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
69	Hệ thống sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Hệ thống		1		1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
70	Hệ thống ICP-MS	Hệ thống		1	2	1		2	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
71	Máy chuẩn độ điện thế	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
72	Máy đo độ dẫn	Chiếc		1	2	2		2	4	Đề xuất định mức: 04 chiếc (tăng 01 chiếc do tăng lượng mẫu)
73	Bộ lấy mẫu nước, chất lỏng	Bộ		2	1	2		1	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
74	Bộ rửa các cỡ	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
75	Hút hút độc	Chiếc		5	4	6		3	9	Giữ nguyên định mức
76	Bếp cách thủy	Chiếc	Bếp cách thủy Stt 67+96 HD	3	6	3		6	9	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
77	Phễu lọc hút chân không	Chiếc		1		2		1	3	Đề xuất định mức: 03 chiếc
78	Bộ khoan nút	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
79	Máy nghiền mẫu ướt	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
80	Bộ phim mẫu bệnh bụi phổi	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
81	Hệ thống thiết bị lấy mẫu bụi bông	Hệ thống		3				3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
82	Hệ thống kho lạnh	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
83	Máy chia môi trường	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
84	Máy đo CO2 cầm tay	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
85	Máy đo độ đường	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
86	Máy đo phóng xạ	Chiếc		2	3	1		4	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
87	Hệ thống phổ phóng xạ alpha, beta	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
88	Bể ỏn nhiệt	Cái		1	2	2		1	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
89	Thiết bị định vị vệ tinh	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
90	Máy xét nghiệm HbA1C	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
91	Máy xét nghiệm máu lắng	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
92	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc		2	5	4		3	7	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
93	Máy xông khí dung	Máy		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
94	Máy đo độ loãng xương	Chiếc		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
95	Máy xét nghiệm CD4	Chiếc		1		2		0	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc trang bị cho 02 cơ sở
96	Máy sinh hiển vi	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
97	Máy đo khúc xạ	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
98	Bộ thử sắc giác	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
99	Thước đo nhân trắc kiểu Martin	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
100	Bộ khám ngũ quan	Bộ		2	2	2		2	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
101	Bộ khám răng miệng học sinh	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
102	Bộ khám tai mũi họng	Bộ		4		4		0	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
103	Ghế nha khoa	Chiếc		2	1			3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
104	Máy soi mao mạch	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
105	Máy đo lớp mỡ dưới da	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
106	Máy đo thính lực (các loại)	Chiếc		6	3	5		4	9	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
107	Máy đo nhĩ lượng	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
108	Buồng đo thính lực	Chiếc		1		1		1	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
109	Máy đo chức năng hô hấp	Chiếc		4	3	3		4	7	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
110	Máy xét nghiệm huyết học	Chiếc		3	5	7		1	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
111	Máy đo liều sinh vật	Chiếc		2	2			4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
112	Bộ thử áp bì chuẩn.	Bộ		2				4	4	Đề xuất định mức: 04 bộ
113	Máy soi da	Chiếc		2				4	4	Đề xuất định mức: 04 chiếc
114	Máy đo pH da	Chiếc		2	3	1		4	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
115	Dụng cụ đo cong vẹo cột sống	Chiếc		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
116	Máy đo chỉ số mỡ cơ thể	Chiếc		2				2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
117	Máy siêu âm mắt	Chiếc		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
118	Đèn soi đáy mắt	Chiếc		3	2			5	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
119	Mô hình giảng sơ cấp cứu	Bộ		1				4	4	Đề xuất định mức: 04 bộ
120	Máy đo nhãn áp cầm tay	Cái		2	2			4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
121	Máy đo ánh sáng (máy đo cường độ ánh sáng)	Máy		6	6	2		10	12	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
122	Máy đo vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	Máy		4	4	4		4	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
123	Máy đo bức xạ nhiệt	Máy		2	3	1		4	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
124	Máy đo bức xạ tia tử ngoại	Máy		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
125	Máy đo điện từ trường tần số cao	Máy		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
126	Máy đo điện từ trường tần số công nghiệp	Máy		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
127	Máy đo ỏn có phân tích giải tần	Chiếc		2	3	2		5	7	Đề xuất định mức: 07 chiếc (tăng: 02 chiếc để phát triển dịch vụ cơ sở 2)
128	Máy đo ỏn cá nhân	Chiếc		6				10	10	Đề xuất định mức: 10 chiếc
129	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu hiện số	Chiếc		4	3	1		6	7	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
130	Máy đo bụi toàn phần hiện số	Chiếc		2	3	2		3	5	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
131	Máy đo bụi cá nhân	Chiếc		6				10	10	Đề xuất định mức: 10 chiếc
132	Máy đo độ rung có phân tích dải tần	Chiếc		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
133	Máy đo phản xạ thị vận động	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
134	Máy đếm bụi hạt phòng sạch	Chiếc		1				2	2	Đề xuất định mức: 02 chiếc
135	Máy phun hóa chất	Chiếc		18	30	10		22	32	Đề xuất định mức: 32 chiếc (giảm định mức)
138	Máy phun tồn lưu hóa chất (Máy phun hóa chất hạt to)	Chiếc		5	22	3		9	12	Đề xuất định mức: 12 chiếc (giảm định mức)
139	Bộ điều tra côn trùng	Bộ		4		4		8	12	Dự kiến thành lập 4 đội PCD (Cơ sở 1 (02 đội), CS2 (02 đội))
140	Bộ dụng cụ xét nghiệm KATO-KATZ	Bộ		2				8	8	Đề xuất định mức: 08 bộ
141	Bộ thử tồn lưu	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
142	Máy đếm ký sinh trùng sốt rét	Chiếc		10		10		0	10	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
143	Bộ thử nhạy cảm hóa chất	Bộ		4				4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
144	Kính lúp 2 mắt	Chiếc		8				8	8	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
145	Tủ bảo quản vắc xin	Chiếc		24	15	37		3	40	Đề xuất định mức: 40 chiếc (tăng: 01 chiếc, để phát triển dịch vụ vắc xin)
146	Tủ cấp đông chuyên dùng	Chiếc		3		3		1	4	Đề xuất định mức: 04 chiếc
147	Hòm lạnh bảo quản vắc xin	Chiếc		12	5	14		5	19	Đề xuất định mức: 14 chiếc
148	Máy xét nghiệm đếm tế bào	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
149	Máy X-quang chụp vú Mammography	Cái		1	1	1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
150	Máy rửa phim	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
152	Máy xét nghiệm tế bào ThinPrep	Cái		1	2			3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
153	Máy đếm tinh trùng	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
154	Bàn khám phụ khoa	Cái		3				3	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
155	Bồn rửa tay vô trùng	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
156	Máy nghe tim thai	Cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
157	Máy đốt cổ tử cung	Cái		2	1	3		0	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
158	Máy siêu âm bàn đẩy	Máy						1	1	Phục vụ khám ngoại viện, phòng khám đa khoa Đề xuất định mức: 01 máy
159	Máy siêu âm 4D/5D	Máy						1	1	Phục vụ phòng khám đa khoa - sản Đề xuất định mức: 01 máy
160	Hệ thống máy xét nghiệm nước Quanti-tray	Hệ thống						1	1	Làm mẫu nước - thực phẩm theo TCVN 6187:2-2020 (ISO 9308-2:2012) Đề xuất định mức: 01 hệ thống
161	Máy đo lưu huyết não	Máy						1	1	Trang bị phục vụ phòng khám đa khoa Đề xuất định mức: 01 máy
162	Máy in phim	Máy						1	1	Trang bị phục vụ phòng khám đa khoa Đề xuất định mức: 01 máy
163	Máy cấy khuẩn làm kháng sinh đồ tự động	Máy						1	1	Thực hiện làm mẫu bệnh phẩm Đề xuất định mức: 01 máy
164	Máy chụp X-quang răng	Máy						1	1	Trang bị phục vụ phòng khám đa khoa Đề xuất định mức: 01 máy
165	Hệ thống tách chiết DNA/RNA/Protein tự động	Hệ thống				6		0	6	Phục vụ xét nghiệm PCR phòng chống dịch Đề xuất định mức: 03 hệ thống
166	Hệ thống xét nghiệm Realtime tự động	Hệ thống				1		0	1	Phục vụ xét nghiệm PCR phòng chống dịch Đề xuất định mức: 01 hệ thống
167	Vòi sen cấp cứu + Vòi rửa mắt cấp cứu	Cái				11		3	14	Cấp cứu khi xảy ra sự cố trong phòng thí nghiệm Đề xuất định mức: 14 cái
168	Thiết bị kiểm tra tù an toàn sinh học cấp II	Bộ				1		0	1	Kiểm tra tù an toàn sinh học cấp II trong quá trình kiểm tra thiết bị Đề xuất định mức: 01 bộ

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
169	Đèn đọc phim	Chiếc				1		3	4	Khám bệnh nghề nghiệp Đề xuất định mức: 04 chiếc
170	Bộ thử nghiệm lấy da	Bộ						2	2	Phục vụ khám bệnh nghề nghiệp, 50 ca/máy/ buổi. Nhu cầu cho 2 đoàn khám Đề xuất định mức: 02 bộ
171	Thiết bị đo lực bóp tay	Cái						4	4	Phục vụ khám bệnh nghề nghiệp, trung bình 20 mẫu/máy/buổi. Nhu cầu 2 đoàn quan trắc Đề xuất định mức: 02 cái
172	Thiết bị đo lực kéo thân	Cái						2	2	Phục vụ khám bệnh nghề nghiệp, trung bình 20 mẫu/máy/buổi. Nhu cầu 2 đoàn quan trắc Đề xuất định mức: 02 cái
173	Thiết bị đo tần số nhịp tim cá nhân trong lao động	Cái						10	10	Quan trắc môi trường lao động (nhu cầu đo xấp xỉ 45 lần/ngày công suất máy 15 lần/máy/ngày) Đề xuất định mức: 03 cái
174	Hệ thống thổi khô bằng khí ni tơ	Cái						2	2	Phân tích các chất hữu cơ dễ bay hơi, thuốc trừ sâu trong mẫu nước , mẫu thực phẩm (nhu cầu >10 mẫu/ngày; công suất máy <6 mẫu/ngày) Đề xuất định mức: 02 cái
175	Thiết bị xử lý mẫu hóa chất bảo vệ thực vật	Cái						2	2	Phân tích các chất hữu cơ dễ bay hơi, thuốc trừ sâu trong mẫu nước , mẫu thực phẩm (theo TT 41)(nhu cầu >10 mẫu/ngày; công suất máy <6 mẫu/ngày) Đề xuất định mức: 02 cái
176	Thiết bị xử lý mẫu phân tích nhóm hóa chất	Cái						2	2	Phân tích các chất hữu cơ dễ bay hơi, thuốc trừ sâu trong mẫu nước , mẫu thực phẩm (theo TT 41)(nhu cầu >10 mẫu/ngày; công suất máy <6 mẫu/ngày) Đề xuất định mức: 02 cái
177	Hệ thống thiết bị phân tích dòng liên tục	Cái						2	2	Làm Cyanua, Phenol, Tổng ni tơ, nitrat, ... trong nước; làm SO2 trong rượu vang, nitrat, nitrit,... trong thực phẩm (theo thông tư 41) (nhu cầu >10 mẫu/ngày; công suất máy <6 mẫu/ngày) Đề xuất định mức: 02 cái
178	Máy siêu âm xách tay	Hệ thống			4			4	4	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
179	Hệ thống chuyển đổi XQ kỹ thuật số Máy X-Quang chụp vú Mammography	Máy			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
180	Máy Doppler tìm thai	Máy			2			2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
181	Máy đo bụi hô hấp hiện số	Máy			3			6	6	Đề xuất định mức: 06 máy
182	Bộ test đa	Máy			2			2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
183	Máy áp lạnh cổ tử cung	Máy			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
184	Máy quay chuẩn HD	Máy			3	3		2	5	Đề xuất định mức: 05 máy
185	Máy ảnh chuyên nghiệp	Máy			3	2		3	5	Đề xuất định mức: 05 máy
186	Máy quay phòng dựng hình	Máy			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
187	Bộ dựng hình phi tuyến	Bộ			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
188	Hệ thống xét nghiệm Elisa tự động	Hệ thống			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
189	Máy đóng môi trường	Máy			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
190	Lò phá mẫu nhiệt	Chiếc			2	1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
191	Thiết bị đo tổng hoạt độ phóng xạ Alpha, Beta trong nước	Chiếc			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
192	Máy đếm tế bào máu	Máy			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
193	Máy cấy mẫu và pha loãng tự động	Máy			2			2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
194	Máy nuôi cấy định danh vi khuẩn	Máy			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
195	Máy đo tổng chất rắn hòa tan	Máy			1	2		2	4	Đề xuất định mức: 04 máy
196	Nồi cách dầu	Chiếc			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
197	Máy tách chiết tự động	Máy			3	3		0	3	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
198	Nhiệt kế hai đầu dò	Chiếc			2	3		2	5	Đề xuất định mức: 05 máy (tăng: 03 máy, Sử dụng tại phòng vi sinh nước, trung bình sử dụng 50 lần/tháng)
199	Bộ quả cân chuẩn	Bộ			1	2		0	2	Đề xuất định mức: 02 bộ
200	Nhiệt ẩm kế	Chiếc			10	8		4	12	Đề xuất định mức: 12 chiếc
201	Hệ thống ghi và phân tích	Hệ thống			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
202	Máy xay đá	Máy			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
203	Tủ vô trùng	Chiếc			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
204	Máy pha loãng môi trường	Máy			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
205	Bàn cân chống rung 2 vị trí	Chiếc			2	1		1	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
206	Máy nhuộm Gram tự động	Máy			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
207	Máy quang phổ	Chiếc			1	1		0	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
208	Máy chuẩn độ điện thế tự động	Chiếc			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
209	Nhiệt kế tự ghi	Cái			3	4		0	4	Đề xuất định mức: 04 cái (tăng: 01 chiếc, Sử dụng theo dõi nhiệt độ và độ ẩm tại các kho: Thuốc, vacxin và Nhà thuốc Trung tâm)
210	Bản thí nghiệm cảm quan	Chiếc			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
211	Hệ thống rửa dụng cụ thủy tinh	Hệ thống			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
212	Hệ thống sắc ký khí khối phổ hai lần	Hệ thống			2			2	2	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
213	Bình ù ký khí	Chiếc			1			1	1	Giữ nguyên định mức trang bị cho 02 cơ sở
214	Trợ pipet	Chiếc			5	6		14	20	Đề xuất định mức: 20 cái (tăng: 15 cái, sử dụng thiết bị phục vụ công tác xét nghiệm, phòng chống dịch bệnh.)
215	Cân đo chiều cao BMI bán tự động	cái				2		10	12	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng: Trẻ dưới 5 tuổi, Trẻ dưới 16 tuổi thuộc chương trình giảm nghèo bền vững - Triển khai điều tra vi chất của phụ nữ có thai và trẻ em
216	Hệ thống ICP- MS kết nối HPLC	Hệ thống						1	1	Định lượng đồng vị các chất trong nước, thực phẩm
217	Hệ thống giải trình tự Gen thế hệ mới	Cái						1	1	Giải trình tự gen xác định vi sinh vật gây bệnh, định tuýp xác định vi sinh vật biến chủng
218	Máy tách chiết tế bào CellPrep	Cái						1	1	Chẩn đoán sớm ung thư cổ tử cung và một số ung thư khác
219	Hệ thống máy xét nghiệm dị ứng	Hệ thống						1	1	Xác định các tác nhân gây dị ứng (Thức ăn, phấn hoa, bụi, nấm mốc, lông động vật, kí sinh trùng, thuốc...). Đánh giá mức độ đáp ứng miễn dịch của cơ thể (IgE, IgG)

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
220	Máy phân tích TOC	Cái						1	1	Giám sát chất lượng nước của các trạm cấp nước tập trung và của các công ty doanh nghiệp nuôi trồng thủy hải sản
221	Hệ thống xe chụp X quang kỹ thuật số lưu động	Hệ thống						1	1	Phục vụ khám lưu động bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc cộng đồng.
XXXII. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HẢI PHÒNG										
A. Thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù										
B. Thiết bị y tế chuyên dùng khác										
1	Bàn cân chống rung	Cái		12		2		10	12	Giữ nguyên định mức
2	Bàn thí nghiệm	Cái		15				15	15	Giữ nguyên định mức
3	Bàn sấy lame	Cái			1	0		1	1	Giữ nguyên định mức
4	Bể điều nhiệt	Cái		4	3	2		7	9	HP đề xuất định mức thành 09 cái
5	Bể ổn nhiệt có lắc	cái			1	0		1	1	Giữ nguyên định mức
6	Bể siêu âm	cái			6	4		6	10	HP đề xuất định mức thành 10 cái
7	Bếp đun cách thủy	cái			6	5		5	10	HP đề xuất định mức thành 10 cái
8	Bộ cất cồn	Bộ		5				5	5	Giữ nguyên định mức
9	Bộ cất đạm	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
10	Bộ châm sắc ký bản mỏng	Bộ		10				10	10	Giữ nguyên định mức
11	Bộ chiết pha rắn	Bộ		4	3	1		6	7	Giữ nguyên định mức
12	Bộ định lượng Cyanid	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
13	Bộ định lượng Phenol	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
14	Bộ đo tỷ trọng kế	Bộ		4	3	2		5	7	Giữ nguyên định mức
15	Bộ lọc màng vô khuẩn	Bộ		2				2	2	Giữ nguyên định mức
16	Bộ Micropipet	Bộ		10				10	10	Giữ nguyên định mức
17	Bộ phễu lọc máy hút chân không	Bộ		6				6	6	Giữ nguyên định mức
18	Bộ quả cân chuẩn	Bộ		4	5	2		7	9	Giữ nguyên định mức
19	Bộ thổi khí có gia nhiệt	Bộ			2	1		3	4	HP đề xuất định mức tăng thêm 02 bộ
20	Bơm hút chân không	cái			7	4		3	7	Giữ nguyên định mức
21	Buồng cấy vi sinh	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
22	Buồng đếm vi khuẩn	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
23	Cân kỹ thuật	Cái		4	6	5		5	10	Giữ nguyên định mức
24	Cân phân tích (các loại)	Chiếc		11	12	9		14	23	Giữ nguyên định mức
25	Đèn soi UV	Chiếc		4		1		3	4	Giữ nguyên định mức
26	Hệ thống đo độ hòa tan kết nối sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
27	Hệ thống xét nghiệm Elisa	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
28	Hệ thống kiểm tra môi trường phòng sạch vi sinh	Hệ thống		1				2	2	HP đề xuất định mức thành 02 hệ thống
29	Hệ thống phòng sạch vi sinh	Hệ thống		1	2	2		2	4	HP đề xuất định mức thành 04 hệ thống
30	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Hệ thống		2	1	1		2	3	Giữ nguyên định mức
31	Hệ thống quang phổ huỳnh quang (RF)	Hệ thống		1		0		1	1	Giữ nguyên định mức
32	Hệ thống quang phổ phát xạ nguyên tử (OES)	Hệ thống		1	1	0		1	1	HP đề xuất định mức 01 hệ thống (giảm 01 hệ thống)
33	Hệ thống quang phổ Plasma ghép nối khối phổ (ICP/MS)	Hệ thống		1	2	1		2	3	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
34	Hệ thống máy xét nghiệm Realtime PCR	Hệ thống		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
35	Hệ thống sắc ký điện di mao quản	Hệ thống		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
36	Hệ thống sắc ký điều chế	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
37	Hệ thống sắc ký ion (IC)	Hệ thống		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
38	Hệ thống sắc ký khí (GC)	Hệ thống		1	2	1		2	3	Giữ nguyên định mức
39	Hệ thống sắc ký khí ghép khối phổ hai lần (GC/MS/MS)	Hệ thống		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
40	Hệ thống sắc ký khí ghép khối phổ một lần (GC/MS)	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
41	Hệ thống sắc ký lỏng 2 lần ghép khối phổ (LC/MS/MS)	Hệ thống		1	2	1		2	3	Giữ nguyên định mức
42	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) và các detector: mảng diod; huỳnh quang; khúc xạ; điện hóa, ...	Hệ thống		4	4	3		5	8	Giữ nguyên định mức
43	Hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng cao (UHPLC)	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
44	Hệ thống xác định tồn dư SO2	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
45	Hệ thống sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao	Hệ thống		1				1	1	Giữ nguyên định mức
46	Hệ thống chiết béo tự động	Cái			1	1		1	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
47	Hệ thống cô quay chân không	Hệ thống			1	0		5	5	HP đề xuất định mức thành 05 hệ thống
48	Hệ thống đồ môi trường tự động	Hệ thống			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 hệ thống
49	Hệ thống kiểm tra rò rỉ lọc màng lọc HEPA bằng phương pháp đo quang	Hệ thống			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 hệ thống
50	Hệ thống phá mẫu Kjeldahl + bộ hút hơi axit	Hệ thống			1	1		1	2	HP đề xuất định mức thành 02 hệ thống
51	Hệ thống quang phổ hồng ngoại (IR)	Hệ thống		2	1	0		3	3	Giữ nguyên định mức
52	Hệ thống quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-VIS)	Hệ thống		7	4	3		8	11	Giữ nguyên định mức
53	Hệ thống rửa dụng cụ thủy tinh	Hệ thống			2	0		4	4	HP đề xuất định mức thành 04 hệ thống
54	Khúc xạ kế tự động	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
55	Kính hiển vi (các loại)	cái		6	6	1		11	12	Giữ nguyên định mức
56	Lò đo mẫu Graphit	cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
57	Lò nung	cái		4	4	3		5	8	Giữ nguyên định mức
58	Hệ thống cất nước	Hệ thống		8	8	5		11	16	Giữ nguyên định mức
59	Máy chấm sắc ký	cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
60	Máy chuẩn độ điện thế	cái		2	2	1		3	4	Giữ nguyên định mức
61	Máy chuẩn độ Karl Fischer	cái		4	1	0		5	5	Giữ nguyên định mức
62	Máy cất vi phẫu	cái			1	0		3	3	HP đề xuất định mức thành 03 cái

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
63	Máy đo ánh sáng	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
64	Máy đo áp suất không khí	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
65	Máy đo cấp độ gió	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
66	Máy đo cường độ UV	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
67	Máy đo điểm chảy	cái		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
68	Máy đo độ đục	cái		1	2	1		2	3	Giữ nguyên định mức
69	Máy đo độ mặn	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
70	Máy đo độ nhớt	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
71	Máy đo độ ồn	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
72	Máy đo pH	cái		8	8	5		11	16	Giữ nguyên định mức
73	Máy đo vi khí hậu	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
74	Máy đo vòng vỏ khuẩn	cái		2		1		1	2	Giữ nguyên định mức
75	Máy dập mẫu	Cái			3	1		4	5	HP đề xuất định mức tăng thêm 02 cái
76	Máy đếm hạt bụi	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
77	Máy đo độ dẫn	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
78	Máy đo nội độc tố vi khuẩn	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
79	Máy đo phóng xạ Alpha Beta	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
80	Máy lấy mẫu vi sinh không khí	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
81	Máy phá mẫu vi sóng	Chiếc		2	3	3		2	5	Giữ nguyên định mức
82	Máy phân cực kế	Cái		5	2	2		5	7	Giữ nguyên định mức
83	Máy quét TLC	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
84	Máy sinh khí Hydro (H2)	Cái			2	0		3	3	HP đề xuất định mức thành 03 cái
85	Máy thử độ cứng	Cái		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
86	Máy thử độ hòa tan	Cái		5	3	4		4	8	Giữ nguyên định mức
87	Máy thử độ mài mòn	Cái		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
88	Máy trộn mẫu	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
89	Nhiệt kế chuẩn	Cái			10	8		7	15	HP đề xuất định mức thành 15 cái
90	Nồi hấp tiệt trùng	Cái		2	6	2		6	8	Giữ nguyên định mức
91	Thiết bị đếm tiêu phân trong dung dịch	cái		1	1	0		2	2	Giữ nguyên định mức
92	Máy đồng nhất mẫu	cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
93	Máy khuấy từ gia nhiệt	cái		4	3	2		5	7	Giữ nguyên định mức
94	Máy lắc	cái		24	8	6		26	32	Giữ nguyên định mức
95	Máy hút chân không	cái		5	7	4		8	12	Giữ nguyên định mức
96	Máy lọc nước siêu sạch	cái		2	2	2		2	4	Giữ nguyên định mức
97	Máy ly tâm	cái		9	3	3		9	12	Giữ nguyên định mức
98	Máy nghiền mẫu vi sinh	cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức
99	Máy phân tích acid amin tự động	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
100	Máy phân tích nhiệt	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
101	Máy phân tích TOC	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
102	Máy phun sắc ký lớp mỏng	cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
103	Máy đếm khuẩn lạc	cái		3	2	1		4	5	Giữ nguyên định mức
104	Máy thử độ rã của viên đạn, viên trứng	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
105	Máy đo độ tan rã	cái		4	3	3		4	7	Giữ nguyên định mức
106	Máy xay mẫu	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
107	Máy hấp tiệt trùng	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
108	Thiết bị chiết Soxhlex	cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
109	Thiết bị khử ion của nước	Bộ		1				1	1	Giữ nguyên định mức
110	Thiết bị làm khô mẫu bằng Nitro	cái		1				1	1	Giữ nguyên định mức
111	Thiết bị sắc ký lớp mỏng có chụp ảnh	cái		1		0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
112	Thiết bị tiệt trùng que cấy	cái		2				2	2	Giữ nguyên định mức

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế	Số lượng tối đa theo QĐ 16/2021	Số lượng tối đa theo QĐ 829/QĐ-UBND HD (26/3/2025)	Số lượng hiện có	Tần suất sử dụng	Nhu cầu 03 năm tiếp theo	Số lượng định mức đề nghị	Ghi chú
113	Tủ ấm (các loại)	cái		8	8	6		11	17	Đề xuất định mức 17 máy (Cộng định mức tủ ấm + tủ ấm CO2 + tủ ấm lạnh)
114	Tủ lạnh âm sâu	cái		2	2	0		4	4	Giữ nguyên định mức
115	Tủ an toàn sinh học	Cái		2	4	1		6	7	HP đề xuất định mức tăng thêm 01 cái
116	Tủ bảo quản mẫu	cái		4	6	3		7	10	Giữ nguyên định mức
117	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái			1	0		2	2	HP đề xuất định mức thành 02 cái
118	Tủ hút khí độc	cái		4	6	8		2	10	Giữ nguyên định mức
119	Tủ đông	Cái			2	1		2	3	HP đề xuất định mức thành 03 cái
120	Tủ bảo quản hóa chất, sinh phẩm	Cái		4				4	4	Giữ nguyên định mức
121	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp thu	Cái			5	2		8	10	HP đề xuất định mức thành 10 cái
122	Tủ sấy (các loại)	Cái		12	8	7		13	20	Giữ nguyên định mức (cộng danh mục Tủ sấy + Tủ sấy chân không)
123	Tủ vi khí hậu	Cái			4	2		4	6	HP đề xuất định mức tăng thêm 02 cái
124	Vòi rửa mắt khẩn cấp	Cái			3	1		5	6	HP đề xuất định mức tăng thêm 03 cái
125	Bộ lọc vô khuẩn	Bộ						2	2	HP đề xuất định mức tăng thêm 02 bộ